

Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

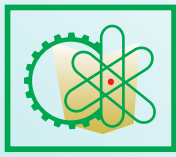
Số 04-2016 (08)

LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- Thanh tra liên ngành về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2016
- Vấn đề quản lý chất thải rắn tại thành phố Đà Lạt
- Góp vốn để thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- Rào cản TBT trong xuất khẩu nông sản của Lâm Đồng
- Thương mại điện tử và xuất khẩu



Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

Trong số này:

Chính sách - Định hướng

- 1 **Trần Thị Thùy Dương** - Vấn đề quản lý chất thải rắn tại thành phố Đà Lạt
- 5 **Tô Văn Sanh** - Góp vốn để thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng
- 6 **Đỗ Quyên** - Rào cản TBT trong xuất khẩu nông sản của Lâm Đồng
- 8 **Nguyễn Thị Lệ Hoàng** - Thương mại điện tử và xuất khẩu
- 10 **Lê Đức Thọ** - Thanh tra liên ngành về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2016

Hỗ trợ Doanh nghiệp

- 12 Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước
- 13 **Lê Hoa** - Chuyển biến trong thực thi trách nhiệm phục vụ doanh nghiệp của Hải quan Đà Lạt
- 15 Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020
- 16 Tin cảnh báo của các nước thành viên WTO

Khoa học Công nghệ và Đổi mới

- 18 Kinh nghiệm trong việc áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm tại Công ty TNHH Thực phẩm An Vạn Thịnh
- 19 Công nghệ mới - Sản phẩm mới
- 20 Xăng sinh học E5 là gì
- 21 **Nguyễn Thị Đỗ Quyên** - Hội thảo Hiệp định TBT trong các Hiệp định thương mại
- 22 **Thanh Dương Hồng** - Nữ nghệ nhân có tấm lòng vàng

Doanh nghiệp cần biết

- 24 Một số thông tin kêu gọi đầu tư đối với Dự án Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú
- 25 Những quy định trong việc đánh giá tác động môi trường
- 28 Kinh doanh nông sản chưa chế biến có chịu thuế?
- 29 **Trần Công Đăng** - Một số nội dung mới của Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp
- 31 Quy định về việc cho vay của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ:

Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt

Điện thoại: 063.3545479 - 063.3833163

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập

Nguyễn Minh Tâm

Ngô Huy Đông

Huỳnh Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Phạm Thị Nhâm

Trình bày:

Lê Cao Nguyên

Ảnh bìa:

Thanh Dương Hồng

Nghệ nhân Hữu Hạnh

VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

Thành phố Đà Lạt là đô thị loại I thuộc tỉnh Lâm Đồng, giữ vai trò trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của tỉnh Lâm Đồng. Nằm trên cao nguyên có độ cao trung bình 1.500 m so với mực nước biển, Đà Lạt thừa hưởng một khí hậu miền núi ôn hòa và dịu mát quanh năm. Đà Lạt gồm 14 phường, 4 xã; diện tích 394,39 km²; dân số là 217.720 người, trong đó dân số trung bình thành thị là 196.166 người, nông thôn là 21.554 người (mật độ dân số 552 người/km²).

Với tài nguyên thiên nhiên và nhân văn phong phú đã giúp Đà Lạt trở thành một trong những điểm du lịch nổi tiếng của Việt Nam, mỗi năm thu hút hàng triệu du khách tới thăm viếng và nghỉ dưỡng. Đà Lạt còn là một vùng sản xuất nông nghiệp nổi tiếng trong cả nước với những sản phẩm rau và hoa ôn đới đặc trưng.

Trong điều kiện vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa gìn giữ những gì thiên nhiên ban tặng cho Đà Lạt, vấn đề quản lý và bảo vệ môi trường của thành phố - đặc biệt đối với việc xử lý chất thải rắn - là một trong những việc làm cần thiết, quan trọng đặt ra đối với các cơ quan chức năng của địa phương.

Tình hình phát sinh chất thải rắn tại thành phố Đà Lạt

1. Rác thải sinh hoạt

- Rác thải từ các hộ dân và khách du lịch bao gồm: giấy, túi nhựa, thực phẩm, thủy tinh, kim loại,...

- Rác thải từ khu thương mại (khu thương mại, các chợ, các cửa hàng bách hóa, khách sạn, nhà hàng, buôn bán lẻ...) bao gồm: giấy, thực phẩm, túi nhựa, kim loại,...

- Rác thải từ các cơ quan, trường học, thành phần chủ yếu của rác thải là giấy.

- Rác thu gom từ các thùng chứa rác trên đường phố, bến xe, công viên, trung tâm vui chơi giải trí,... bao gồm: cành và lá cây, giấy, thực phẩm, xà bần...

2. Rác thải y tế

Rác y tế phát sinh từ các cơ sở y tế công và tư trên địa bàn thành phố Đà Lạt như: kim

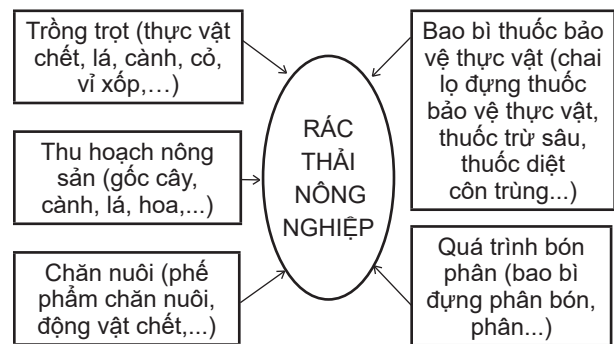
tiêm, bông, băng, gạc, chai lọ thủy tinh, các bệnh phẩm,...

3. Rác thải xây dựng

Gồm đất, đá, xà bần được thải ra từ quá trình xây dựng.

4. Rác thải nông nghiệp

Rác thải nông nghiệp là chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp như: trồng trọt, thu hoạch, bảo quản và sơ chế nông sản, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, các chất thải từ chăn nuôi, giết mổ động vật,...



Hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại Đà Lạt

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn

Hiện nay công tác quét nhật, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (CTR) trên địa bàn thành phố Đà Lạt do Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị thành phố Đà Lạt (Công ty) thực hiện. Đây là đơn vị duy nhất được thành phố giao nhiệm vụ trên. Trong đó Đội môi trường thuộc Công ty là đơn vị trực tiếp thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTR của thành phố.

Tổng số nhân viên: 190 người chia thành các tổ: quét nhật, thu gom; vận chuyển; xử lý; thu phí; trạm cân.

2. Hiện trạng công tác thu gom, vận chuyển

Công tác quét nhật hiện nay triển khai trên 180 tuyến đường, khu vực và 4 xã vùng ven với chiều dài trên 180 km và thực hiện thu gom rác cho trên 100 đường hẻm. Ngoài ra, để đảm bảo đường phố sạch đẹp ban ngày, đặc biệt ở một số

khu vực trung tâm, Công ty đã tổ chức một đội ngũ công nhân duy trì thường xuyên quét, thu gom rác do người dân bỏ ra ban ngày tại trên 50 tuyến đường.

Rác thải sinh hoạt

Tổng khối lượng rác sinh hoạt thu gom từ năm 2009-2015 như sau:

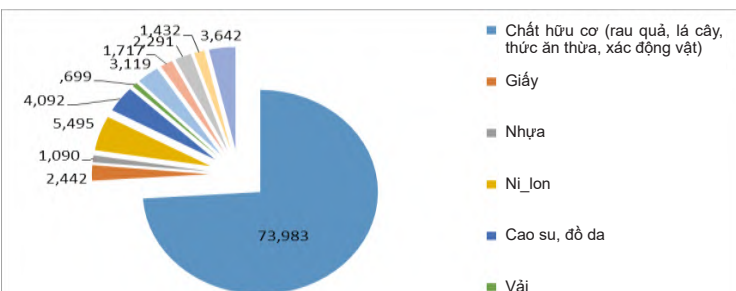
(Đơn vị tính: tấn)

Năm	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng	42.968	46.418	50.090	54.351	56.448	59.185	60.866

Nguồn: Báo cáo của Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị thành phố Đà Lạt, 2016

Lượng rác phát sinh nhiều nhất thường vào các mùa du lịch như tháng gần tết, sau tết, mùa hè do lượng khách du lịch tăng cao.

Thành phần chủ yếu của CTR sinh hoạt tại thành phố Đà Lạt như sau:



Nguồn: Báo cáo của Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị thành phố Đà Lạt, 2016

Trong đó chủ yếu chất hữu cơ chiếm 73,98%, tiếp đến là ni-lon 5,495%; tỷ lệ thu gom đạt trên 95%. Để đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị, hiện nay hàng ngày bố trí 08 tuyến thu gom. Trong đó có 07 tuyến thu gom từ 17h00 đến 24h00; 01 tuyến thu gom (rác ban ngày từ các vùng sâu, vùng xa, chợ chưa được thu gom hết) vào buổi tối.

Rác thải sinh hoạt được vận chuyển bằng xe ép rác chuyên dùng (11 xe); xe ben tự đổ (03 xe) vận chuyển lá cây, xà bần, bùn, đất...

Rác thải y tế

(Đơn vị tính: kg)

Năm	Tháng 6/2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng	27.772	46.052	52.828	61.840	71.607	80.619	85.1230

Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị thành phố Đà Lạt, 2016

Công ty bắt đầu thu gom chất thải rắn y tế từ tháng 6/2009 (sau khi được đầu tư lò đốt CTR y tế) đến nay. Lượng rác này tăng rất nhanh theo thời gian do mạng lưới y tế của thành phố đã phát triển mạnh hơn trong những năm gần đây.

Rác thải y tế hàng ngày được thu gom từ các cơ sở y tế bằng xe tải thùng kín có trọng tải 1,4 tấn.

3. Hiện trạng công tác xử lý CTR của thành phố Đà Lạt

3.1. Công tác thu gom, tái chế CTR

Hiện nay tại Đà Lạt chưa có dự án nào về thu hồi, tái chế, tái sử dụng CTR được triển khai. Nguyên nhân do chưa thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn và chưa có nhà máy xử lý CTR nên rác được thu gom, vận chuyển về bãi rác lộ thiên và san ủi. Các hoạt động thu hồi, tái sử dụng chủ yếu là do người dân tự phân loại các vật liệu có thể bán được như nhựa, giấy báo, kim loại,... để bán cho những người đi thu mua phế liệu.

Đà Lạt đang phát triển rất mạnh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là trồng hoa và rau), do đó lượng rác thải nông nghiệp phát sinh là đáng kể; đồng thời rác sinh hoạt của Đà Lạt cũng có thành phần rác hữu cơ khá cao (trên 70%), rất thích hợp cho việc làm phân Compost nhưng hiện nay thành phố cũng chưa có nhà máy chế biến phân Compost nào được xây dựng.

3.2. Hiện trạng công tác xử lý CTR

- Chất thải rắn sinh hoạt

Trước tháng 7/2015:

Bãi rác tập trung để xử lý CTR thành phố Đà Lạt được bố trí tại một thung lũng thuộc phường 5 - thành phố Đà Lạt và được sử dụng từ năm 1976. Tuy nhiên, đến ngày 21/3/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng mới ban hành Quyết định số 666/QĐ-UB về việc Thu hồi đất giao cho Công ty quản lý công trình đô thị Đà Lạt để sử dụng làm bãi rác với diện tích là 119.854 m². Bãi rác chỉ để phục vụ công tác chôn lấp rác thải sinh hoạt của thành phố Đà Lạt. Trong đó, phần diện tích có thể chôn lấp và đổ rác khoảng 3 ha, phần còn lại chủ yếu là vực thấp, khối lượng rác được chôn lấp bình quân 140-150 tấn/ngày, đêm.

Phương pháp xử lý tại bãi rác chủ yếu là: hàng ngày rác sau khi tập kết vào buổi tối sẽ được rải vôi bột và phun chế phẩm vi sinh (hiện đang dùng chế phẩm L2100CHV của USA) để phun lên bề mặt rác nhằm giảm thiểu mùi hôi. Sau đó rác sẽ được san ủi xuống phía vực thấp.

Từ tháng 7/2015 đến nay:

Công ty Môi trường Năng lượng Xanh đã đầu tư xây dựng nhà máy xử lý CTR tại xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt. Từ tháng 7/2015 đến

nay, toàn bộ rác thải sinh hoạt đã được chuyển về xử lý tại nhà máy.

- Chất thải rắn nguy hại

Hiện Đà Lạt không có nhà máy xử lý chất thải rắn nguy hại. Theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, công tác này đang được thực hiện khá tốt trong tỉnh Lâm Đồng nói chung và thành phố Đà Lạt nói riêng. Các cơ sở sản xuất tự phân loại, thu gom, lưu giữ theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng ở các tỉnh lân cận thu gom, xử lý theo quy định.

Một nguồn chất thải nguy hại lớn thường xuyên phát sinh tại Đà Lạt là bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thải ra từ quá trình sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nguồn chất thải nguy hại này hiện nay chưa được thu gom hết để xử lý. Phần lớn người dân sau khi sử dụng thường đem đốt hoặc vứt xuống suối gây ô nhiễm môi trường. Hiện Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người dân thu gom để xử lý nguồn chất thải này.

- Chất thải rắn y tế

Việc xử lý rác thải y tế hiện nay tại thành phố Đà Lạt đang được thực hiện thông qua Lò đốt rác y tế với công suất 1 tấn/ngày. Lò đốt rác thải y tế này được đầu tư xây dựng năm 2009 theo Quyết định số 110/QĐ-KHĐT ngày 30/6/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư “Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Lò đốt rác thải y tế trên địa bàn Đà Lạt”. Công nghệ xử lý, tiêu hủy chất thải y tế đang được áp dụng hiện nay là công nghệ đốt bằng lò đốt 2 cấp.

Lò đốt đi vào hoạt động đã góp phần giải quyết vấn đề xử lý rác thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Trước khi có lò đốt này thì rác y tế chủ yếu được chôn lấp ngay trong khuôn viên của bệnh viện hay cơ sở y tế hoặc đốt trực tiếp gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới người dân xung quanh. Rác thải y tế được thu gom hàng ngày chủ yếu của Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng với khối lượng bình quân là 150 kg.

Định hướng một số giải pháp quản lý xả thải nhằm giữ gìn thành phố xanh - sạch

Sự gia tăng dân số và phát triển nhanh của thành phố trong thời gian qua đã làm thay đổi bộ mặt thành phố, mức sống của người dân được nâng cao hơn, làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng đồng thời

cũng làm gia tăng nhanh chóng lượng chất thải rắn phát sinh. Chất thải rắn tăng nhanh chóng về số lượng, với thành phần ngày càng phức tạp đã và đang gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý. Bên cạnh đó, công tác quản lý, xử lý chất thải rắn thời gian qua chưa được áp dụng theo phương thức quản lý tổng hợp, chưa chú trọng đến các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải dẫn đến khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp ở bãi chôn lấp lộ thiên ngày càng nhiều; đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, công tác triển khai về quy hoạch quản lý chất thải rắn tại địa phương còn chậm; việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng khu xử lý, nhà máy xử lý chất thải rắn còn gặp nhiều khó khăn; đầu tư cho quản lý, xử lý chất thải rắn còn chưa tương xứng; chưa đạt yêu cầu. Chính vì thế công tác quản lý, xử lý chất thải còn hạn chế; việc xử lý chất thải rắn không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

1. Giải pháp về tổ chức, quản lý và cơ chế, chính sách

- Triển khai các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường theo tinh thần Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan như Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT quy định về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT về quản lý chất thải y tế... Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý chất thải thống nhất theo định hướng mới.

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Nghiên cứu đẩy mạnh phát triển công tác xã hội hóa trong thu gom, xử lý CTR theo hướng đảm bảo về điều kiện môi trường, công nghệ hiện đại, đảm bảo tính hiệu quả, ổn định và bền vững của dự án xử lý chất thải.

- Rà soát, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn; trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; trách nhiệm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý chất thải trên địa bàn thành phố.

2. Giải pháp về truyền thông, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu nội dung về quản lý chất thải của các quy định pháp luật rộng rãi tới các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trên địa bàn; tăng cường trao đổi, tham quan, học tập kinh nghiệm trong triển khai công tác quản lý chất thải, chú trọng đến tính khả thi, sự phù hợp khi triển khai áp dụng cùng mô hình xử lý chất thải giữa các địa phương; nghiên cứu đẩy mạnh việc xây dựng và phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về chất thải rắn; các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về quản lý, xử lý chất thải rắn...

3. Giải pháp về đầu tư và tài chính

Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác quản lý, xử lý chất thải rắn; ưu đãi về thuế, phí và lệ phí; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn; đẩy mạnh xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn; lựa chọn các địa điểm hợp lý để đầu tư các cơ sở xử lý và tái chế chất thải ở quy mô liên vùng, liên tỉnh...

4. Giải pháp về giám sát, kiểm tra, thanh tra

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn để phòng ngừa cũng như kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm.

5. Giải pháp hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu, phát triển công nghệ

Nghiên cứu, phát triển công nghệ xử lý chất thải rắn theo hướng giảm thiểu lượng chất thải rắn chôn lấp, tăng cường tỷ lệ tái chế, tái sử dụng và thu hồi năng lượng từ chất thải; tăng cường nghiên cứu ứng dụng các công nghệ sẵn có tốt nhất, công nghệ thân thiện với môi trường; đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình điểu về phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn; tìm các mô hình phù hợp để nhân rộng.

6. Giải pháp về đẩy mạnh hợp tác quốc tế

Chủ động đề xuất, xây dựng cơ chế và nội dung hợp tác song phương và đa phương, trao đổi kinh nghiệm trong công tác quản lý, xử lý chất thải rắn; tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài tham gia phát triển cơ sở hạ tầng, nhà máy phục vụ quản lý, xử lý chất thải rắn; tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và đào tạo trong hoạt động tái chế, tái sử dụng thu hồi năng lượng từ chất thải rắn... ■

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng (*Thông báo số 127/TB-VPCP ngày 14/6/2016 của Văn phòng Chính phủ*): “Lâm Đồng phải phấn đấu là một trong những địa phương đi đầu trong khởi nghiệp, phấn đấu tăng nhanh số doanh nghiệp ít nhất gấp 2 lần hiện nay”, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành văn bản số 6253/UBND-TH2 ngày 11/10/2016 về việc phát động góp vốn để thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

Trong những năm qua, các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã nhận được sự quan tâm của nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài khu vực nhà nước. Một số hoạt động khởi nghiệp đã được các cơ quan, đơn vị triển khai như tổ chức khóa đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn khởi nghiệp, đào tạo khởi sự doanh nghiệp; các cuộc thi ý tưởng kinh doanh, ý tưởng sáng tạo trên nhiều lĩnh vực,... Tuy nhiên, các hoạt động này nhìn chung còn mang tính tự phát và chưa hội đủ các yếu tố để hình thành nên tinh thần khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tình hình nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do hầu hết các ý tưởng kinh doanh sáng tạo, các phát minh, sáng kiến kinh doanh khởi nghiệp triển khai đều gặp khó khăn về nguồn vốn ban đầu. Mặc dù các cơ quan nhà nước và hệ thống ngân hàng trên địa bàn đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện vay vốn từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng nhưng việc vay vốn để đầu tư, phát triển ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do không đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật trong việc vay vốn tín dụng ngân hàng (về tài sản đảm bảo).

Vì vậy, việc thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp để hỗ trợ vốn cho hoạt động khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng

GÓP VỐN ĐỂ THÀNH LẬP QUỸ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

TÔ VĂN SANH

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng

Chính phủ. Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng được thành lập với nguồn vốn hỗ trợ ban đầu từ ngân sách tỉnh Lâm Đồng là **01 tỷ đồng (Một tỷ đồng)** và kêu gọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư,... tham gia góp vốn cho Quỹ, để cho vay hỗ trợ khởi nghiệp và đầu tư trực tiếp vào các dự án khởi nghiệp, giúp thanh niên, sinh viên và người nghèo có đề tài sáng kiến và ý tưởng khởi nghiệp thành lập doanh nghiệp. Đây cũng là một hình thức giảm nghèo bền vững tại tỉnh Lâm Đồng.

Phương thức hoạt động của Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp

Phương thức cho vay hoặc đầu tư trực tiếp đều dựa trên dự án, ý tưởng được sàng lọc, thẩm định từ Vườn ươm doanh nghiệp và Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và được Hội đồng quản lý quỹ xét duyệt. Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng lấy hiệu quả kinh tế từ các dự án, ý tưởng khởi nghiệp thành công và lấy hiệu quả xã hội làm mục tiêu chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.

Quyền lợi của nhà đầu tư góp vốn

Khi tham gia góp vốn vào Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng, các nhà đầu tư, doanh nghiệp có các quyền lợi sau:

1. Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp vào Quỹ.
2. 07 doanh nghiệp có số vốn lớn nhất được cử đại diện tham gia Hội đồng quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Khi các nhà đầu tư, doanh nghiệp có đóng góp vào Quỹ gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng sẽ sử dụng nguồn vốn của Quỹ để hỗ trợ cho vay với lãi suất ưu đãi nhằm tháo gỡ khó khăn tạm thời cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tương ứng với số vốn đã đóng góp. Khi các nhà đầu tư, doanh nghiệp phục hồi và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh thì hoàn trả số tiền Quỹ đã hỗ trợ cho vay và tiếp tục tham gia đóng góp, hỗ trợ vốn cho Quỹ.
4. Các quyền lợi và nghĩa vụ khác của nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia vốn sẽ được quy định

cụ thể, chi tiết trong Đề án thành lập và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng.

*

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát động và kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước cùng chung tay với nhà nước đóng góp, hỗ trợ để sớm hình thành Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng, nhằm tạo điều kiện về nguồn lực để hỗ trợ và thúc đẩy sự thành công của các dự án, ý tưởng khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã giao Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng làm đầu mối vận động, mở tài khoản để tiếp nhận và quản lý số vốn góp của các tổ chức, cá nhân; phối hợp với Ngân hàng nhà nước – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án thành lập Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Hưởng ứng phát động và kêu gọi của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, tại Chương trình Giao lưu, gặp gỡ doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh Lâm Đồng, nhân ngày Doanh nhân Việt Nam do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức (13/10/2016) có 13 doanh nghiệp, nhà đầu tư và hiệp hội cam kết góp Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp của tỉnh Lâm Đồng với số tiền **1.860.000 đồng (Một tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng)**.

Các doanh nghiệp, doanh nhân, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân quan tâm, có mong muốn đóng góp Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng xin liên hệ:

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng

Địa chỉ: Số 02-04 Trần Quốc Toản, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 063.3533167

Tài khoản số **102010002644835** tại Ngân hàng Công thương tỉnh Lâm Đồng. ■

RÀO CẢN TBT TRONG XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA LÂM ĐỒNG

ĐỖ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Với lợi thế về khí hậu, đất đai, Lâm Đồng có thể mạnh sản xuất nhiều loại nông sản cao cấp, có chất lượng cao. Năm 2016, diện tích gieo trồng của tỉnh Lâm Đồng ước đạt 346,39 ngàn ha. Trong đó một số cây trồng sản xuất và xuất khẩu chủ lực của tỉnh ước đạt như sau: cà phê - diện tích kinh doanh là 145.019/155.238,7 ha trồng; chè - diện tích kinh doanh là 19.449,1/21.131,3 ha trồng; rau các loại - 58.417,9 ha gieo trồng; hoa các loại - 8.387,2 ha gieo trồng; cây điều - 15.535,6 ha.

Toàn tỉnh hiện có 43.610 ha sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, chiếm 16,6% diện tích đất canh tác; trong đó diện tích cây trồng ứng dụng công nghệ cao là: trên 75% diện tích canh tác rau, hoa (12.978 ha rau và 2.627 ha hoa); 27,7% diện tích chè (5.854 ha) và 11,8% diện tích cà phê (18.341 ha) cho năng suất, chất lượng cao.

Tuy nhiên, các mặt hàng nông sản chủ yếu tiêu thụ nội địa, tập trung tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, khu vực miền Trung, Tây Nguyên và các tỉnh như Đồng Nai, Bình Dương..., sản lượng và giá trị nông sản xuất khẩu còn thấp so với tiềm năng. Từ năm 2013 đến năm 2015 sản lượng một số mặt hàng chủ lực xuất khẩu so với sản xuất như cà phê nhân đạt 14-21,8%, hạt điều 10,4-11,6%, hoa các loại cắt cành 9,2-10,5%, rau các loại 0,4-1,1% được xuất khẩu sang các nước trên thế giới (các nước EU, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật, Trung Quốc, Úc, Nga, Ấn Độ, New Zealand, Malaysia, Singapore, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan...).

Mặc dù nông sản của địa phương ngày càng được đầu tư, quan tâm về năng suất chất lượng nhưng sản lượng xuất khẩu vẫn chiếm con số rất khiêm tốn. Có nhiều nguyên nhân làm hạn chế tỷ lệ xuất khẩu, trong đó các rào cản kỹ thuật là một trong những nguyên nhân dẫn đến doanh nghiệp không mặn mà với việc xuất khẩu. Đa số doanh nghiệp lựa chọn bán trong nước, xuất khẩu tiểu ngạch hoặc qua trung gian nên giá trị sản phẩm xuất khẩu của Lâm Đồng không đạt như mong muốn.



Một số rào cản kỹ thuật trong thương mại mà doanh nghiệp Lâm Đồng thường gặp khi xuất khẩu sản phẩm chủ lực sang các thị trường

Nhìn chung các mặt hàng nông sản chủ lực của Lâm Đồng xuất khẩu đều đáp ứng tiêu chuẩn của các nước nhập khẩu. Nhiều loại nông sản đã có mặt tại các thị trường khó tính như Nhật Bản, Mỹ, các nước châu Âu... tuy nhiên trong quá trình xuất khẩu một số nông sản của doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn, rào cản về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, về biện pháp kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu nên ảnh hưởng nhiều đến sản lượng, giá trị xuất khẩu:

Rào cản về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản

- Đối với sản phẩm chè xuất khẩu: dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (Fipronil) của một số lô sản phẩm chè xuất khẩu sang Đài Loan còn vượt mức cho phép theo quy định của nước này. Do việc thay đổi về mức dư lượng tối đa cho phép (thay đổi mức dư lượng Fipronil trong chè của Đài Loan từ 0,005 ppm còn 0,002 ppm) chậm được thông báo nên doanh nghiệp của tỉnh chưa kịp thời chủ động trong kiểm soát nguyên liệu đầu vào đảm bảo theo tiêu chuẩn.

- Phương thức lấy mẫu, phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: doanh nghiệp không nắm rõ được phương pháp lấy mẫu và phân tích dư

lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản tại nước nhập khẩu, nên kết quả phân tích giữa các bên đôi lúc không thống nhất. Có trường hợp cùng lô hàng, kết quả kiểm tra của doanh nghiệp đạt yêu cầu nhưng kết quả của nước nhập khẩu không đạt.

Rào cản về kiểm dịch thực vật

- Một số thị trường như Úc, Nga, Nhật Bản đưa ra quy định về kiểm dịch thực vật đối với hoa tươi như yêu cầu phải xử lý hoa bằng xông hơi ở nhiệt độ 24-25°C (vào thời điểm mà nhu cầu của các nước cần số lượng ít) đã ảnh hưởng đến chất lượng hoa, sản lượng xuất khẩu hoa của doanh nghiệp.

- Quy cách, mẫu mã sản phẩm: chưa đáp ứng được nhu cầu của nước nhập khẩu nên đã ảnh hưởng đến sản lượng xuất khẩu. Với thời tiết khí hậu thuận lợi cho sản xuất rau, hoa quanh năm, đồng thời cũng là điều kiện để dịch hại tồn tại, phát triển gây hại nhiều nơi, ảnh hưởng đến mẫu mã sản phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

Một số đề xuất tháo gỡ khó khăn

Để thúc đẩy quá trình xuất khẩu, nâng cao kim ngạch, giá trị xuất khẩu hàng nông sản của địa phương, trong thời gian tới cần có sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp địa phương nhằm tháo gỡ những khó khăn mà doanh nghiệp đã gặp phải.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường tổ chức thu thập và xử lý thông tin về thị trường (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật...) và chính sách thương mại của các nước, nhất là thị trường khó tính như Mỹ, châu Âu, Nhật, Úc... và kịp thời thông tin để doanh nghiệp chủ động về sản phẩm đảm bảo theo quy định của nước



nhập khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nắm bắt, tìm kiếm thêm thị trường xuất khẩu, thông tin về chính sách nhập khẩu và những yêu cầu của sản phẩm hàng hóa khi tham gia xuất khẩu; tăng cường thanh, kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, việc kinh doanh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Đối với doanh nghiệp cần chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin về thị trường, quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản, chính sách của các nước nhập khẩu nông sản, chuẩn bị các điều kiện cần thiết và lường trước những vấn đề gặp phải để sẵn sàng đối phó với rào cản của các nước, tránh bị động, thiếu thông tin, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng và hiệp hội ngành nghề sản xuất - xuất khẩu. Đồng thời cần chủ động xây dựng vùng nguyên liệu (rau, chè,...), chủ động về sản lượng đảm bảo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trước khi xuất khẩu đảm bảo mức dư lượng đạt yêu cầu của nước nhập khẩu, chủ động tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

Với điều kiện hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ngày càng chặt chẽ, đòi hỏi mỗi cơ quan quản lý, doanh nghiệp cần nắm rõ các quy định, chủ động tìm hiểu thông tin và thực thi các cam kết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, thúc đẩy quá trình xuất khẩu nông sản chủ lực của tỉnh ngày càng được nâng cao. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo tại Hội thảo về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong các hiệp định thương mại tự do của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng năm 2016.



THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ XUẤT KHẨU

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG

Sở Công Thương Lâm Đồng

Một vài nét chung

Cùng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong xu thế vạn vật kết nối Internet, thương mại điện tử đang là xu hướng toàn cầu. Số lượng người mua sắm trực tuyến đang liên tục tăng lên từng ngày. Theo số liệu thống kê của trang *rishabhsoft.com* thì năm 2011 số lượng người mua sắm trực tuyến trên toàn thế giới là 792,5 triệu người, ước năm 2016 là 1.323 triệu người. Thương mại điện tử phát triển rộng khắp trên các châu lục, trong đó khu vực Bắc Mỹ chiếm thị phần nhiều nhất (35,9%), tiếp theo là châu Âu (31,60%), đứng thứ 3 là châu Á – Thái Bình Dương với 27,90%.

Có rất nhiều doanh nghiệp thành công trong thương mại điện tử. Ở quy mô toàn cầu có thể kể đến trang Alibaba, Amazon, Rakuten, Flipkart, Best Buy, eBay,... hay các trang vatgia.com, 5giay.vn, muare.vn, nhommua.com ở Việt Nam. Hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh. Theo báo cáo thường niên năm 2015 của Amazon thì doanh thu thuần của công ty này đã đạt 107 tỷ USD vào năm 2015, trong đó gần 43% tổng doanh thu đến từ thị trường ngoài nước (ngoài khu vực Bắc Mỹ). Năm 2015, doanh thu thương mại điện tử xuyên biên giới toàn cầu là 300 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2014 và chiếm 17,6% doanh thu thương mại điện tử toàn cầu. Đến năm 2020, dự đoán tăng lên 1.000 tỷ USD và chiếm 30% tổng doanh thu thương mại điện tử toàn cầu.



Rõ ràng, thương mại điện tử là một xu thế tất yếu mà không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Trong *Chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030* được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 07/01/2016 đã nhận định kinh tế mạng (hay thuật ngữ khác là: kinh tế kỹ thuật số) là một trong những hình thái kinh tế mới sẽ được định hình trong thập kỷ tới. Cũng tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định quan điểm thương mại điện tử là phương thức giúp doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất nhập khẩu, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập quốc tế.

Kinh tế kỹ thuật số bao gồm các thị trường kinh tế dựa trên các công nghệ kỹ thuật số để tạo cho việc giao dịch, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thông qua thương mại điện tử. Hiện nay, có khoảng 40% dân số toàn cầu sử dụng Internet mỗi ngày. Sự phát triển mạnh mẽ của Internet cùng với ứng dụng phổ biến của các thiết bị điện thoại thông minh hay máy tính bảng giúp mọi người có thể dễ dàng kết nối và tương tác với nhau từ bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Đối với xuất khẩu, thương mại điện tử là công cụ hữu hiệu cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, đặc biệt với doanh nghiệp nhỏ và vừa, để tìm kiếm thị trường, tiếp cận khách hàng. Thay



Các chỉ số thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng năm 2011 - 2015

Chỉ số	Năm	2012		2013		2014		2015	
		Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng
Nguồn nhân lực và hạ tầng CNTT	-	63	14/22	63.9	20/47	64.1	22/63	47.3	23/63
Giao dịch giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng	-	47.32	14/22	45.6	34/47	52.9	20/63	48.4	26/63
Giao dịch giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp	-	52.79	20/22	55.1	24/47	59.5	25/63	28.2	36/63
Giao dịch giữa chính phủ và doanh nghiệp	-	59.40	15/22	54.8	37/47	61.5	19/63	63	40/63
Chung	-	54.51	18/22	54.0	27/47	58.8	21/63	43.5	27/63

Nguồn: Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử 2012-2015

vi tốn nhiều chi phí và thời gian để thiết lập kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị phần ở nước ngoài, các doanh nghiệp có thể đầu tư cho website bán hàng của riêng mình hoặc tham gia vào hoạt động thương mại trên sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế.

Việc ứng dụng thương mại điện tử tại Việt Nam và Lâm Đồng

Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam cho thấy ứng dụng thương mại điện tử chưa nhận được nhiều sự quan tâm, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo số liệu tại báo cáo thương mại điện tử Việt Nam 2015, phương thức thiết lập với đối tác xuất khẩu chủ yếu vẫn là gặp gỡ trực tiếp (59%), giao dịch qua các website, sàn giao dịch thương mại điện tử, email chỉ chiếm 19%. Chưa đầy một nửa doanh nghiệp xuất khẩu tham gia khảo sát trả lời đã xây dựng website để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; trong số đó, chỉ có 36% là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, tỷ lệ thiết lập quan hệ với đối tác thông qua giao dịch điện tử (website, sàn giao dịch điện tử, email) của doanh nghiệp lớn cũng cao hơn (21%) doanh nghiệp vừa và nhỏ (17%). Mặc dù tỷ lệ ứng dụng thương mại điện tử trong xuất nhập khẩu không cao nhưng hầu hết các doanh nghiệp đã ứng dụng đều thừa nhận hiệu quả của nó (73% doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá rất hiệu quả hoặc hiệu quả).

Đối với tỉnh Lâm Đồng, thông qua Chỉ số thương mại điện tử do Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam xếp hạng cho thấy, mức độ quan tâm và đầu tư cho thương mại điện tử chỉ luôn ở mức trung bình.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc doanh nghiệp chưa quan tâm đến thương mại điện tử, có thể kể đến như: chưa có kiến thức về thương mại điện tử, chưa nhận thức được lợi ích của thương mại điện tử, chưa tin tưởng vào phương thức giao dịch này,... Trong giai đoạn hội nhập sâu rộng sắp tới thì không một quốc gia nào có thể đứng ngoài xu thế toàn cầu hóa công nghệ, vì thế các doanh nghiệp cũng cần phải nghiên cứu về loại hình này để không bỏ lỡ cơ hội.

Riêng với những doanh nghiệp xuất khẩu, cần tận dụng ưu thế của loại hình B2B để quảng bá sản phẩm, chủ động tìm kiếm cơ hội bán hàng và nhập khẩu hàng hóa, cung cấp thông tin cho đối tác, nghiên cứu thị trường và đối thủ cạnh tranh. Những sàn giao dịch điện tử B2B quốc tế uy tín doanh nghiệp nên nghiên cứu tham gia như: www.alibaba.com, www.globalsources.com, www.tradkey.com, www.tradeford.com... các sàn B2B của Việt Nam như: www.ecvn.com, www.bizviet.net, www.vietaz.com,... đặc biệt Cục Xúc tiến thương mại Nhật Bản cũng cho phép các doanh nghiệp các nước quảng bá miễn phí ở trang www.jetto.go.jp/ttpoas. ■



THANH TRA LIÊN NGÀNH VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2016

LÊ ĐỨC THỌ

Chánh Thanh tra Sở KH&CN Lâm Đồng

Thực hiện văn bản số 1152/BKHCN-TTra ngày 01/4/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị phối hợp chỉ đạo triển khai thanh tra chuyên đề năm 2016 và văn bản số 2078/UBND-VXI ngày 20/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai thanh tra chuyên đề năm 2016, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra chuyên đề năm 2016. Triển khai kế hoạch thanh tra chuyên đề đã được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã phối hợp với các ngành có liên quan (Chi cục Quản lý thị trường, Công an tỉnh, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) thành lập Đoàn thanh tra liên ngành chuyên đề về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ. Đoàn thanh tra đã tổ chức thực hiện 03 đợt thanh tra, thời gian thanh tra từ ngày 11/7/2016 đến ngày 01/9/2016 đối với 92 cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Mục đích

Cuộc thanh tra chuyên đề về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ nhằm nâng cao nhận thức và hành động của các tổ chức, cá nhân sản xuất nhập khẩu, kinh doanh vàng trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho người tiêu dùng và toàn xã hội hiểu rõ các quy định của pháp luật chuyên ngành nói chung và đối với vàng trang sức, mỹ nghệ nói riêng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân; tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chân chính, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành Khoa học và Công nghệ; phát hiện, phòng ngừa và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ; khẳng định vai trò kiểm soát của cơ quan



quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành về công tác quản lý nhà nước và thống nhất nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ trong hệ thống thanh tra khoa học và công nghệ.

Kết quả

- Tổng số cơ sở được thanh tra: 92/102 cơ sở (chiếm 90%), tổng số vụ vi phạm: 56 cơ sở (chiếm 60,8%); số cơ sở đã xử phạt vi phạm hành chính: 08/92 doanh nghiệp (chiếm 8,6%); tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 57.300.000 đồng (năm mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng); các lỗi vi phạm bao gồm:

+ 27 cơ sở vi phạm về nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (chưa có hoặc có chưa đầy đủ hóa đơn nhập hàng đầu vào), chiếm 48,2% cơ sở vi phạm;

+ 25 cơ sở vi phạm về ghi nhãn hàng hóa (có ghi nhãn theo quy định, tuy nhiên còn ghi thiếu hoặc chưa ghi rõ các nội dung như: tên nhà cung cấp, địa chỉ nhà cung cấp, khối lượng vật đính kèm...), chiếm 44,6% cơ sở vi phạm;

+ 04 cơ sở vi phạm về đo lường (buôn bán hàng hóa có sai lệch vượt quá sai số giới hạn cho phép theo yêu cầu kỹ thuật về đo lường đối với phép đo, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định) chiếm 7,1% cơ sở vi phạm;

+ 01 trường hợp vi phạm về đo lường và chất lượng (buôn bán hàng hóa có chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng

và lượng của hàng hóa có sai lệch vượt quá giới hạn sai số cho phép theo yêu cầu kỹ thuật về đo lường đối với phép đo do cơ quan có thẩm quyền quy định).

Sau khi kết thúc cuộc thanh tra, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động thanh tra liên ngành chuyên đề về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vàng, vàng trang sức mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và quán triệt các quy định quản lý nhà nước có liên quan. Hội nghị đã thông báo kết quả thanh tra và quán triệt lại các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ, các cơ quan tham gia đoàn thanh tra liên ngành và các cơ quan báo, đài ở địa phương. Thông qua Hội nghị tổng kết, đã thông báo công khai kết quả của cuộc thanh tra, đồng thời chỉ ra những vi phạm mà các doanh nghiệp thường hay mắc phải, nhằm kịp thời chấn chỉnh trong thời gian tới.

Qua quá trình thanh tra đã phát hiện khá nhiều doanh nghiệp vi phạm về ghi nhãn hàng hóa, về đo lường, tiêu chuẩn, tuy nhiên vì đây là lần đầu tổ chức thanh tra liên ngành chuyên đề về vàng trang sức mỹ nghệ nên đoàn thanh tra với mục đích chính là tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn doanh nghiệp nắm vững để thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ. Qua thanh tra, Đoàn thanh tra đã phát hiện một số tồn tại cần khắc phục cụ thể như sau:

- Một số doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều và chưa thực sự am hiểu các quy định quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vàng, vàng trang sức mỹ nghệ. Nguyên nhân là do các chủ doanh nghiệp chưa đầu tư thời gian để nghiên cứu kỹ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của mình; cử người tham dự các lớp tập huấn không đúng thành phần, không nắm được các quy định của nhà nước do đó không biết triển khai;



- Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ của đa số các doanh nghiệp là mang tính đối phó, không đúng thực chất (sản xuất một sản phẩm, nhưng công bố tới 8 sản phẩm, không sản xuất cũng công bố) và cũng chưa thực sự am hiểu về tiêu chuẩn và công bố tiêu chuẩn;

- Một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ chưa hiểu đúng các quy định về ghi nhãn hàng hóa, nên việc ghi nhãn mang tính đối phó;

- Một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ chưa biết và chưa hiểu đúng các quy định về đo lường (kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra về đo lường và sử dụng cân...), dẫn đến tình trạng sử dụng có sai số vượt mức quy định mà không biết;

- Đa số các doanh nghiệp không lấy hóa đơn nhập hàng đầy đủ và khi bán cũng không xuất hóa đơn đầy đủ;

- Đa số người tiêu dùng cũng chưa am hiểu nhiều về việc mua bán vàng trang sức mỹ nghệ, chưa có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng và thường mua đâu bán đó;

- Số cơ sở vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, đo lường nhãn hàng hóa là tương đối nhiều nhưng mức xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa là quá nhẹ nên hiệu quả không cao. Đề nghị Chính phủ cần xem xét, sửa đổi Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng còn hạn chế nên việc chấp hành các quy định quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vàng còn thấp, vì vậy thời gian tới cần tăng cường và thay đổi hình thức tuyên truyền, phổ biến để doanh nghiệp và người dân dễ tiếp thu;

- Cần xem xét lại việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ cho phù hợp và đúng quy định; tăng cường công tác hậu kiểm sau khi cấp giấy chứng nhận;

- Cần tăng cường công tác thanh kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. ■

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Trung tâm Thông tin và Thống kê KHCCN

Ngày 18/9/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2015/NĐ-CP về Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Nghị định này áp dụng cho cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước; doanh nghiệp nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp nhà nước kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh thực hiện công bố thông tin theo quy định của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

Việc công bố thông tin của các doanh nghiệp nhà nước nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của doanh nghiệp, bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và của xã hội đối với doanh nghiệp nhà nước.

Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật; do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

Trường hợp các thông tin được công bố có sự sai lệch, chưa chính xác, ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận và điều chỉnh thông tin thay đổi hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo giải trình với cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Các thông tin phải công bố định kỳ

Doanh nghiệp phải định kỳ công bố các thông tin sau:



- a) Chiến lược phát triển của doanh nghiệp;
- b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;
- c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của doanh nghiệp;
- d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;
- đ) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có);
- e) Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm;
- ê) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp;
- g) Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp;
- h) Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

Đối với các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư có nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước quyết định việc công bố nhằm tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. ■

CHUYỂN BIẾN TRONG THỰC THI TRÁCH NHIỆM PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP CỦA HẢI QUAN ĐÀ LẠT

LÊ HOA

Báo Lâm Đồng

Với mục tiêu chung của Hải quan Việt Nam là top 4 của khu vực ASEAN về cải cách hành chính (cuối 2017), với 100% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến tối thiểu mức độ 3 và 70% dịch vụ công thuộc các lĩnh vực cốt lõi của ngành Hải quan được cung cấp trực tuyến mức độ 4... để đến năm 2020, thời gian nộp thuế tối đa là 110 giờ/năm, thời gian thông quan hàng hóa qua biên giới chỉ còn 36-41 giờ..., Chi cục Hải quan Đà Lạt đã có nhiều chuyển biến, nỗ lực hỗ trợ thủ tục xuất nhập khẩu và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp...

Công ty TNHH Thêu nghệ thuật và Mỹ nghệ Ứng dụng Hữu Hạnh (Tranh thêu Hữu Hạnh), mỗi năm thường có vài lô hàng nhập khẩu để gia công phần thêu và xuất trở lại nơi đặt hàng khi thêu xong. Hàng nhập có danh mục sản phẩm và nguyên vật liệu thêu cùng giá trị của từng đơn vị hàng hóa kèm theo vận đơn. Khi có thông báo hàng về, Công ty sẽ nộp danh mục nhập khẩu đến cơ quan Hải quan Đà Lạt và làm thủ tục kê khai hải quan. Hàng nhập của Công ty không lớn, nhưng phần kê khai khá nhiều, như chỉ thêu - phân loại theo chất liệu và màu sắc... nếu không cẩn trọng sẽ dễ nhầm lẫn. Bà Phạm Ngô Nhật Thảo – Giám đốc Tranh thêu Hữu Hạnh, cho biết: mỗi năm, Công ty chỉ thực hiện gia công vài lô hàng, nên sử dụng dịch vụ chứ không mua phần mềm kê khai hải quan. Hàng hóa khi nhập về nếu là luồng xanh thì chỉ việc nhận hàng; nếu là luồng vàng hay đỏ (cảnh báo mức độ nghi vấn) sẽ được Hải quan hướng dẫn để kê khai, đối chiếu chứng từ, hoặc kiểm tra trực tiếp hàng hóa... Hải quan Đà Lạt cũng rất tận tâm trong việc phổ biến các chính sách mới, cảnh báo tránh sai sót... Nhìn chung, cán bộ hải quan làm việc rất cởi mở, doanh nghiệp khi gặp vướng mắc thủ tục hải quan đều được hỗ trợ nhiệt tình.

Lâm Đồng hiện có khoảng 10 nhóm mặt hàng xuất nhập khẩu thường xuyên, gồm máy móc - phân bón - vật tư nông nghiệp, nguyên liệu rượu, cây giống, củ giống... (nhập khẩu) và nông sản, khoáng sản... (xuất khẩu) với khoảng trên 100 doanh nghiệp làm thủ tục thường xuyên tại Hải quan Đà Lạt. Ngay sau khi Chính

phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ “về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020”; Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ “về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020”, Hải quan Việt Nam nói chung và Hải quan Đà Lạt nói riêng đã triển khai kế hoạch thực hiện hai nghị quyết trên với các mục tiêu cụ thể, nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp...

Cơ quan hải quan quán triệt chuyển đổi phong cách làm việc từ quản lý hành chính sang phục vụ doanh nghiệp, bằng giải pháp điện tử hóa các thủ tục hành chính nhằm giảm sự tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và cán bộ hải quan, giúp giảm sự phiền hà, sách nhiễu của công chức hải quan trong chuyên môn cũng như phong cách phục vụ, trừ trường hợp doanh nghiệp không tuân thủ, doanh nghiệp vi phạm pháp luật mới áp dụng các chế tài xử phạt. Ông Nguyễn Vĩnh Quảng - Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Đà Lạt, cho biết: ngành Hải quan mong muốn nhận được sự đồng thuận của các doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tạo mối quan hệ với cơ quan hải quan thông qua việc trao đổi thông tin khi có vướng mắc, khó khăn để hạn chế thấp nhất vi phạm; đồng thời kiểm tra, giám sát phong cách, thái độ phục vụ cũng như hiệu quả làm việc của công chức hải quan...

Hiện nay, Hải quan Việt Nam đang áp dụng Hệ thống VNACCS/VCIS - Hệ thống thông quan

tự động và Cơ chế một cửa quốc gia để thông quan và thực hiện các thủ tục hành chính trong xuất - nhập khẩu theo hình thức điện tử hóa. Theo thống kê, thời gian thông quan của các cơ quan hải quan chỉ chiếm 30% trong tổng số thời gian làm thủ tục thông quan hàng hóa của doanh nghiệp, còn lại là thời gian tại các cơ quan chuyên ngành. Vì vậy, đồng thời với những thay đổi về thủ tục hành chính, Hải quan Việt Nam cũng nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ của công chức hải quan từ chuyên môn nghiệp vụ đến tinh thần, thái độ, phong cách phục vụ. Ngoài ra, còn là sự phối hợp hoạt động giữa cơ quan hải quan tại địa phương với các cơ quan hải quan tại cửa khẩu xuất/nhập khẩu, hoặc với các cơ quan chức năng chuyên ngành khác... giúp giảm thời gian và các thủ tục hành chính khác trong quá trình thông quan.

Với tinh thần chủ động, thay vì cơ quan hải quan chờ doanh nghiệp kêu vướng, khó ở chỗ nào rồi mới giải quyết, thì nay hải quan đã thường xuyên tìm hiểu trước nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp để phát hiện những khó khăn, vướng mắc có thể xảy ra để gỡ cho họ luôn, giảm thiểu thời gian thông quan... Hoặc, có những trường hợp sau khi làm thủ tục tại địa phương, doanh nghiệp có thể bị “vướng” ở cửa khẩu xuất. Trước đây - họ phải tự chủ động cung cấp hồ sơ cho hải quan cửa khẩu để giải quyết; nhưng hiện nay, doanh nghiệp sẽ được cơ quan hải quan địa phương trao đổi với cơ quan cửa khẩu thông tin về doanh nghiệp, về yêu cầu của lô hàng cần xuất, về chứng thư... giúp rút ngắn thời gian giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp... Có nghĩa là công chức hải quan được yêu cầu bám sát đường đi của hàng hóa của doanh nghiệp từ khi “mở” thủ tục thông quan đến khi hoàn thành quá trình xuất hoặc nhập khẩu.

Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Văn Bảo - Phó tổng giám đốc Công ty TNHH Agrivina: vẫn còn nhiều vấn đề về chính sách hải quan, như quản lý nhập khẩu phải đăng ký kinh doanh, như nhiều doanh nghiệp chỉ nhập khẩu để sử dụng trong sản xuất chứ không phải để kinh doanh. Cụ thể, Hasfarm nhập khẩu vải để sản xuất chứ không phải là hàng hóa kinh doanh; dù được sự hỗ trợ của Hải quan, hàng về đến Hasfarm cũng mất thời gian 2 tháng. Vì vậy, đứng ở góc độ doanh nghiệp, họ mong muốn Hải quan cùng đồng hành, đồng nghĩa với việc phải kiến nghị và theo đuổi đến cùng để thay đổi những bất hợp lý đang xảy ra trong thực tế. ■

Ngày 26/10/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

Đối tượng hỗ trợ: các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ có hợp đồng với doanh nghiệp để thực hiện dự án khoa học công nghệ.

Ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm trọng điểm của tỉnh như: rau, hoa, chè, dịch vụ du lịch,...; sản phẩm công nghệ cao.

Doanh nghiệp có thể gửi đơn đăng ký tham gia chương trình hỗ trợ vào bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp:

1. Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (KHCN); đổi mới và hoàn thiện công nghệ; phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới; ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp KHCN

- Các hoạt động ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp KHCN;

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; đổi mới, nghiên cứu hoàn thiện công nghệ; phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới;

- Tham gia các Hội chợ thương hiệu nổi tiếng Việt Nam; chợ công nghệ - thiết bị quốc gia và khu vực;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, quảng bá và thương mại điện tử.

2. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu

- Xây dựng (xác lập quyền), quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh;

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài đối với nhãn hiệu các sản phẩm đặc trưng thể mạnh của địa phương;

- Tổ chức, triển khai các chương trình hợp tác, tham quan học tập về hỗ trợ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ;

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020



- Xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo KHCN;

- Xây dựng, triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp và tổ chức KHCN;

- Triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

3. Hỗ trợ các hoạt động tư vấn, hội thảo, tập huấn, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ

- Các hoạt động tư vấn, hội thảo, tập huấn, phổ biến kiến thức cho doanh nghiệp trong lĩnh vực KHCN như: ứng dụng KHCN, phát triển thị trường công nghệ, thông tin KHCN, sở hữu trí tuệ,... nhằm phục vụ cho công tác quản lý, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các doanh nghiệp; hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ;

- Tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp KHCN;

- Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ;

- Tư vấn thiết kế, đăng ký xác lập quyền, khai thác, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích và các thành quả sáng tạo khác;

- Tổ chức, hướng dẫn tra cứu, khai thác các nguồn thông tin KHCN, sở hữu trí tuệ;

- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ triển khai tư vấn, hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ ở địa phương;

- Hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu;

- Các hoạt động thông tin truyền thông KHCN; các Bản tin KHCN, cơ sở dữ liệu thông tin KHCN phục vụ doanh nghiệp.

Hình thức hỗ trợ kinh phí

Hỗ trợ toàn bộ kinh phí

Hỗ trợ toàn bộ kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Mục 2 và Mục 3 của Chương trình này.

Hỗ trợ tối đa không quá 50% giá trị dự án đối với các nội dung:

- Mua các bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ thuộc các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới (tính trên giá trị hợp đồng); tối đa không quá 250 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp;

- Thực hiện dự án cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và chi phí; dự án xây dựng các mô hình ứng dụng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh, quảng bá và thương mại điện tử; dự án ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp KHCN; tối đa không quá 350 triệu đồng/dự án/doanh nghiệp;

- Đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao cho doanh nghiệp; tối đa không quá 50 triệu đồng/công nghệ/doanh nghiệp;

- Thiết kế, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích; tối đa không quá 20 triệu đồng/hồ sơ/doanh nghiệp.

Thông tin chi tiết liên hệ theo địa chỉ:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng - Tầng 09, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, Số 36 Trần Phú, Phường 4, thành phố Đà Lạt - ĐT: 063.3833161, Fax: 063.3824941.

Email: huydh@lamdong.gov.vn

Website: <http://lamdongdost.gov.vn> ■



TIN CẢNH BÁO CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

VIỆT NAM

Sản phẩm điều chỉnh: Phân bón vô cơ.

Thông báo số G/TBT/N/VNM/87, ngày 15 tháng 9 năm 2016.

Mô tả nội dung: Những quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động liên quan đến phân bón vô cơ ở Việt Nam, trừ trường hợp quy định bởi các hiệp ước quốc tế tương đồng, trong đó Việt Nam là thành viên.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Đảm bảo chất lượng và bảo vệ môi trường.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Thời hạn dự kiến thông qua: tháng 12/2016

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: tháng 3/2017

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Công Thương

Địa chỉ: 21 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (04) 22 205 057

Fax: (04) 22 205 038

Email: chc@moit.gov.vn; thanhnc@moit.gov.vn

Website: <http://www.cuchoachat.gov.vn>

ARGENTINA

Sản phẩm điều chỉnh: Rượu vang.

Thông báo số G/TBT/N/ARG/308, ngày 19 tháng 10 năm 2016.

Mô tả nội dung: Dự thảo thông báo quy định các sản phẩm rượu vang nhập khẩu với số lượng lớn phải được kèm theo thông tin sản xuất do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cung cấp, bao gồm thông tin chi tiết của giống nho được sử dụng và mùa vụ hái nho liên quan đến giống nho đó.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Kiểm soát chất lượng.

Thời hạn thông qua: 05/10/2016

Thời gian có hiệu lực: 13/10/2016

Cơ quan chịu trách nhiệm: Viện trồng nho Cục Thương mại Quốc gia Argentina

Avda. Julio A. Roca 651, Lầu 4, khu vực 2 (C1067ABB) Buenos Aires

Điện thoại: (54) 11 4349-4067

Fax: (+54) 11 4349-4072

Email: focalotc@mecon.gov.ar



BRAZIL

Sản phẩm điều chỉnh: Nước ép dùng làm đồ uống

Thông báo số G/TBT/N/BRA/691, ngày 07 tháng 9 năm 2016.

Mô tả nội dung: Dự thảo bộ quy chuẩn kỹ thuật này quy định tiêu chuẩn chất lượng chỉ áp dụng cho nước trái cây được sản xuất theo các quy trình công nghiệp và dành cho người tiêu dùng như một loại đồ uống.

Dự thảo thu hồi các phụ lục XVII, XVIII, XIX, XX, XXI, XXII, XXIII, XXIV, XXV, XXVI và XXVII tại Pháp lệnh N°1, ban hành ngày 07 tháng 1 năm 2000.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người.

Thời hạn góp ý: 01/11/2016

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Cung ứng thực phẩm - MAPA Viện Đo lường, Chất lượng và Công nghệ - Inmetro

Điện thoại: + (55) 21 2563,2840

Fax: + (55) 21 2563,5637

Email: barreirastecnicas@inmetro.gov.br

Website:

<http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas>



THÁI LAN

Sản phẩm điều chỉnh: Trái cây, rau quả tươi.

Thông báo số G/TBT/N/THA/490, ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Mô tả nội dung: Để bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Y tế công cộng (MOPH) đề nghị thông báo về thực hành tốt cho nhà đóng gói như sau:

+ Phụ lục I của thông báo dự thảo MOPH chỉ ra danh sách một số trái cây tươi, rau được đóng gói bởi những hoạt động thích hợp.

+ Các yêu cầu tối thiểu áp dụng thực hành tốt trong hoạt động đóng gói được quy định trong Phụ lục II của dự thảo thông báo để đảm bảo sản phẩm trái cây, rau quả tươi an toàn, được đóng gói và phân phối đến người tiêu dùng.

+ Đơn vị nhập khẩu trái cây, rau quả tươi thể hiện trong Phụ lục I sẽ cung cấp giấy chứng nhận thực hành tốt đáp ứng theo yêu cầu của dự thảo thông báo này, không được phép thấp hơn so với yêu cầu tại thông báo này.

+ Các yêu cầu tối thiểu về ghi nhãn đối với sản phẩm bán lẻ quy định bao gồm các nội dung:

- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất (nhà đóng gói) hoặc nhập khẩu và nước xuất xứ;

- Số đăng ký;

- Mã hoặc số lô sản xuất.

Thông tin này phải được ghi trên nhãn của các container gốc. Đối với những sản phẩm trái cây, rau quả tươi được bày bán cho người tiêu dùng mà không cần đóng gói thì các thông tin này phải được thể hiện ở những nơi dễ nhìn thấy như trên thùng hoặc khay. Hoặc các nhà bán lẻ phải ghi các thông tin cần thiết vào mã sản phẩm để người tiêu dùng có thể truy cập được.

+ Những ai đã nhận được Giấy phép sản xuất, nhập khẩu các loại trái cây, rau quả tươi trước khi có thông báo này thì thông báo và cung cấp thông tin cho đơn vị có liên quan để được cấp lại giấy chứng nhận đối với những trường hợp đủ điều kiện trong vòng một năm kể từ ngày có hiệu lực của thông báo.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của con người.

Thời gian góp ý: 40 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian có hiệu lực: sau một năm kể từ ngày công bố trên Royal Gazette.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Thực phẩm và Dược phẩm (FDA Thái Lan)

Địa chỉ: 50 Phaholyothin Road, Ladyao Chatuchak, Bangkok 10900, Thái Lan

Điện thoại: + (662) 561 4204

Fax: + (662) 561 4034; + (662) 561 4088

Email: spsthailand@gmail.com

Website: <http://www.acfs.go.th>

https://members.wto.org/crnattachments/2016/TBT/THA/16_4551_00_x.pdf

https://members.wto.org/crnattachments/2016/TBT/THA/16_4551_00_e.pdf



THỎ NHĨ KỲ

Sản phẩm điều chỉnh: Mật nho.

Thông báo số G/TBT/N/TUR/81, ngày 21 tháng 10 năm 2016.

Mô tả nội dung: Dự thảo thông báo quy định cách thức xác định các định nghĩa, tính năng sản phẩm và nhãn mác của mật nho.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Để xác định tiêu chuẩn chất lượng cho mật nho.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày đăng thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 01/01/2017.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Bộ Thực phẩm, Nông nghiệp và Chăn nuôi

Địa chỉ: Söğütözü Mah. 2180 Cad. No:63 06530 Çankaya/ Ankara - Turkey

Điện thoại: +90 312 204 89 60

Fax: +(90 312) 212 68 64

Email: tbt@ekonomi.gov.tr

Website: <http://www.teknikengel.gov.tr>

KINH NGHIỆM TRONG VIỆC ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM AN VẠN THỊNH

Công ty TNHH Thực phẩm An Vạn Thịnh có trụ sở tại thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng - chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh xuất khẩu các sản phẩm trái cây, rau củ đông lạnh với công suất khoảng hơn 2.500 tấn/năm.

Với nền tảng vững chắc gồm đội ngũ lãnh đạo chuyên nghiệp và tập thể công nhân lành nghề, Công ty đã đưa ra thị trường những dòng sản phẩm chất lượng cao dưới thương hiệu An Vạn Thịnh.

Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị cho nhà máy để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong đó chú trọng hơn nữa vào đầu tư R&D, QC, QA để không chỉ tạo ra sản phẩm mới mà còn tăng cường quản lý được chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

Thực trạng và hiệu quả trong việc áp dụng hệ thống quản lý

Trong xu thế phát triển chung của xã hội, nhận thức về tầm quan trọng của công tác chất lượng và tiêu chuẩn ngày một nâng lên, Công ty TNHH Thực phẩm An Vạn Thịnh đã xác định một trong những mục tiêu chiến lược để phát triển doanh nghiệp là nâng cao trình độ quản lý trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm và các dịch vụ đối với khách hàng thông qua việc áp dụng những hệ thống quản lý có tính khoa học, đó là hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000, HACCP). Là doanh nghiệp sản xuất thực phẩm đặc thù, khách hàng là các doanh nghiệp nước ngoài nên vấn đề chất lượng luôn được coi trọng hàng đầu, do đó An Vạn Thịnh đã đầu tư chiều sâu cho công tác đảm bảo chất lượng.

An Vạn Thịnh đã đầu tư hệ thống nhà máy sản xuất, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn vệ sinh theo tiêu chuẩn TCVN ISO 22000:2007. Công ty cũng đã tiến hành đào tạo cho toàn bộ công nhân viên về đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, hướng dẫn vận hành quy trình sản xuất an toàn... do đó chất lượng sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo, ổn định, được khách hàng đánh giá cao, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh với tốc độ tăng trưởng cao. Việc áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn cũng đã góp phần nâng cao hình ảnh uy tín thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

Một số trao đổi kinh nghiệm

Để đạt được hiệu quả trong quá trình áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn, điều quan trọng



nhất là An Vạn Thịnh đã cố gắng nắm bắt được vị trí của từng yếu tố đối với chất lượng, xác định đâu là yếu tố quyết định trong việc quản lý chất lượng ở từng thời kỳ nhất định, từ đó kịp thời có những điều chỉnh phù hợp khi tình hình thay đổi hoặc khi xuất hiện những nhu cầu mới. Qua áp dụng, để đảm bảo việc quản lý theo hệ thống có hiệu quả, Công ty đã rút ra một số kinh nghiệm:

1. Lãnh đạo doanh nghiệp phải luôn là người chỉ huy, dẫn đầu và có sự cam kết cao đối với việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng một cách thích hợp trong doanh nghiệp, để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống. Lãnh đạo cũng phải quan tâm, tạo và duy trì môi trường nội bộ thuận lợi để lôi cuốn sự tham gia chủ động của mọi người nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

2. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, mọi hoạt động phải được đề cập và xem xét, tránh để tồn tại những công việc nằm ngoài hệ thống quản lý, vì nếu không sẽ thể hiện tính thiếu nhất quán của hệ thống và gây khó khăn trong công tác quản lý.

3. Hoạt động quản lý theo hệ thống chỉ có thể đạt được kết quả khi có sự huy động và sự tham gia tích cực của mọi người, đặc biệt là sự đồng tâm hợp lực, nhất trí cao từ trên xuống dưới để cùng nhau thực hiện những chính sách và mục tiêu chất lượng mà doanh nghiệp đã xây dựng và cam kết hoàn thành. Doanh nghiệp phải tránh để xảy ra sự không nhất trí, thiếu phối hợp trong suy nghĩ và trong hành động. Để thực hiện được điều này, công tác đào tạo, giáo dục là hết sức cần thiết giúp mọi thành viên trong doanh nghiệp hiểu và nhận thức rõ tính cấp thiết của công tác đổi mới quản lý để tồn tại và phát triển, nhằm xây dựng sắc thái văn hóa chất lượng riêng của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với doanh nghiệp khi nguồn lực về tài chính, công nghệ còn hạn chế thì con người chính là nguồn lực cơ bản và quan trọng nhất, là động lực cơ bản để kiến tạo và gia tăng các nguồn lực quản lý nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình đổi mới và hội nhập, đưa doanh nghiệp từng bước phát triển bền vững.

4. Một yếu tố không kém phần quan trọng trong quá trình vận hành hệ thống là công tác đánh giá nội bộ. Doanh nghiệp phải hoạch định một cách hợp lý về kế hoạch đánh giá. Đánh giá nội bộ là điểm mấu chốt để phát hiện kịp thời các biểu hiện sai lệch, không phù hợp của các yếu tố trong hệ thống quản lý chất lượng, qua các cuộc đánh giá sẽ xác định mức độ hiệu lực cũng như biết được sự vận hành của hệ thống đang ở mức độ nào? Doanh nghiệp có thực hiện công việc đúng như những gì đã cam kết hay không? Đồng thời giúp theo dõi và kiểm soát việc quản lý theo hệ thống một cách có hiệu quả nhất và đây cũng chính là cơ sở cho sự xem xét của lãnh đạo.

Trong thời đại cạnh tranh gay gắt và có tính toàn cầu hiện nay, việc duy trì, cải tiến công tác quản lý chất lượng sẽ giữ một vai trò quan trọng ở mỗi doanh nghiệp. Đây là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến khả năng tăng sức cạnh tranh, nâng tầm phát triển của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước, gắn liền với việc xây dựng phát triển uy tín thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp. ■

Công nghệ mới - Sản phẩm mới

BỘ ĐIỀU KHIỂN CNC CHO MÁY NÔNG CỤ

Thông qua việc thực hiện một nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, các nhà khoa học thuộc Trường Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp đã nghiên cứu, làm chủ thiết kế và chế tạo thành công bộ điều khiển CNC cho máy công cụ.



Bộ điều khiển gồm board mạch chủ IPC, bộ xử lý trung tâm và phần mềm giao diện người - máy, với các thông số kỹ thuật chính như sau: 1) Board mạch chủ IPC: hệ điều hành Windows 7, CPU 2,9 GHz; đĩa cứng 100 Gb; bàn phím, màn hình; RAM 4 Gb; RAM 2 cửa chung cho NCK và PLC; 8 Slot cho card PCI; 2) Bộ xử lý trung tâm có chức năng biên dịch (đọc chương trình gia công, biên dịch các khối dữ liệu ASCII, lưu giữ dữ liệu); chức năng nội suy (tuyến tính 3 trục, cung tròn 2 trục); điều khiển phục vụ máy CNC công nghiệp; giao tiếp với bộ điều khiển servo công nghiệp; có khả năng tích hợp với bộ PLC chuẩn công nghiệp phục vụ quá trình gia công; 3) Phần mềm giao diện người - máy có các chức năng tương thích máy CNC hiện đại và được chia thành 5 nhóm: vận hành, thiết lập tham số, soạn thảo chương trình, hiển thị và cảnh báo, hỗ trợ tiện ích.

Chi tiết xin liên hệ: PGS.TS Phạm Hữu Đức Dục, Trường Đại học kinh tế - kỹ thuật công nghiệp; Số 456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội; Điện thoại: 04.38621504

CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NẤM THƯỢNG HOÀNG (PHELLINUS LINTUS) DẠNG HỆ SỢI

Thông qua việc thực hiện đề tài thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học - chế biến thực phẩm do Bộ Công Thương đặt hàng, các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã xây dựng được quy trình nhân nuôi nấm Thượng hoàng (*Phellinus lintus*) dạng hệ sợi trong môi trường lỏng.



Nấm Thượng hoàng là một loại dược liệu quý, được sử dụng từ rất lâu ở nhiều nước châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc..., thường được thu hái trong tự nhiên. Các nghiên cứu trên thế giới đã xác định loại nấm này chứa trên 50 hoạt chất sinh học quý, có tác dụng nâng cao sức khỏe và đặc biệt là có khả năng chống ung thư tốt. Tuy nhiên, nấm tự nhiên có thời gian sinh trưởng lâu, giá thành rất đắt. Việc nuôi trồng nấm Thượng hoàng trong môi trường lỏng cho phép rút ngắn thời gian nuôi nhưng vẫn giữ được các hoạt chất sinh học trong nấm.

Chi tiết xin liên hệ: ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Điện thoại: 04.37655391; Fax: 04.37655261

XĂNG SINH HỌC E5 LÀ GÌ

Hiểu đúng về xăng sinh học E5

Xăng sinh học E5 đã lưu hành trong nước từ năm 2010, nhưng lượng sử dụng loại nhiên liệu này rất ít. Nguyên nhân do người dân còn thiếu thông tin về loại xăng này. Xăng sinh học E5 là loại nhiên liệu có chứa 5% hàm lượng ethanol (cồn) sinh học và 95% thể tích là xăng truyền thống (xăng khoáng: xăng có nguồn gốc từ dầu mỏ). Do hàm lượng cồn khá thấp, chỉ có 5% được pha với xăng, nên trên thế giới nhiều quốc gia không gọi xăng E5 (kể cả xăng E10, được pha 10% hàm lượng cồn) là xăng sinh học mà vẫn coi là loại xăng thông thường. Loại xăng này đã được các nhà khoa học chứng minh là hoàn toàn phù hợp khi sử dụng với các động cơ hiện tại, không cần phải tiến hành hoá cải hay thay đổi các chi tiết bên trong động cơ. Khi pha ethanol vào xăng khoáng để tạo ra xăng sinh học, nhiệt trị của loại xăng này sẽ giảm chút ít do nhiệt trị của ethanol thuần chất chỉ bằng 56% so với nhiệt trị của xăng khoáng. Tuy nhiên, việc pha ethanol sẽ làm tăng hàm lượng oxy tổng (tổng hàm lượng các hợp chất chứa oxy được pha vào xăng khoáng, trong đó có cồn) của xăng E5 RON 92 thành phẩm. Sự có mặt của oxy trong cồn là yếu tố giúp cho xăng sinh học cháy được trong điều kiện không quá thiếu oxy và cháy triệt để. Theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 1:2009/BKHCN về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học và Thông tư số 30/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2014, mức quy định hiện tại (QCVN 1:2009/BKHCN) về hàm lượng oxy tổng từ 2,7% khối lượng được điều chỉnh lên 3,7% khối lượng. Điều này cho phép phối trộn đến 10% thể tích ethanol với xăng khoáng (tạo ra xăng E10) thì hàm lượng oxy tổng của xăng sinh học thành phẩm vẫn đáp ứng yêu cầu chất lượng tại quy định này.

Xu hướng sử dụng xăng sinh học E5

Vì nhiên liệu sinh học được chiết xuất từ các hợp chất có nguồn gốc động, thực vật nên nó hoàn toàn thân thiện với môi trường. Hơn thế, đây cũng là nguồn nhiên liệu tái sinh, theo cách hiểu về ảnh hưởng của nhiên liệu sinh học đến



môi trường LCA (Life Cycle Analysis). Các tính toán LCA (về lượng thải CO₂ trong chu kỳ, từ sản xuất ra nhiên liệu sinh học đến khi dùng nó trên các phương tiện vận chuyển) cho thấy LCA của nhiên liệu sinh học nhỏ hơn đáng kể so với nhiên liệu hóa thạch. Điều này có nghĩa là dùng ethanol ít làm hỏng tầng ozone hơn là nhiên liệu hóa thạch, giảm phát thải khí nhà kính và môi trường trong sạch hơn.

Sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường là xu hướng tất yếu trên thế giới. Trên thực tế, nhiên liệu sinh học E10, E20 (thậm chí E85) đã được sử dụng ở Thái Lan từ năm 2008, châu Âu đã phủ kín xăng E5 từ lâu, cho dù chưa hẳn 100% người dân có cơ hội tiếp xúc loại nhiên liệu của tương lai này.

Hiện nay, tại Việt Nam, các cơ quan chức năng như Bộ Công Thương, Bộ Tài chính đang nghiên cứu các biện pháp về chính sách, điều hành nhằm tạo điều kiện cho xăng sinh học E5 có giá bán ra thị trường thấp hơn so với giá bán xăng khoáng, góp phần khuyến khích người tiêu dùng sử dụng xăng sinh học E5; nghiên cứu biện pháp thí điểm trích lập Quỹ bình ổn giá xăng dầu ở các mức khác nhau đối với từng chủng loại trong thời gian chờ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016.

Hy vọng với việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi những ưu thế của xăng sinh học nói chung và xăng sinh học E5 nói riêng, cùng với giá bán lẻ ra thị trường được ưu đãi lớn, sẽ là các đòn bẩy giúp khơi mạnh nhu cầu sử dụng xăng sinh học E5 trong người dân, góp phần làm cho môi trường sống ngày càng tốt hơn. ■

Nguồn: www.cesti.gov.vn

HỘI THẢO HIỆP ĐỊNH TBT TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Nhằm thông tin đến các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực, doanh nghiệp có hàng hóa xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng về các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại được quy định trong các Hiệp định thương mại tự do, góp phần tháo gỡ những khó khăn khi xuất khẩu hàng hóa và cạnh tranh công bằng đối với sản phẩm các nước cũng như xây dựng chiến lược, định hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, ngày 11/11/2016, Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã phối hợp cùng với Văn phòng TBT Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Lâm Đồng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng tổ chức Hội thảo Hiệp định TBT trong các Hiệp định thương mại. Tham dự hội thảo là đại diện lãnh đạo, cán bộ phụ trách về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của 35 đơn vị sở, ngành, phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm chủ lực của tỉnh Lâm Đồng.



Hội thảo đã cung cấp đến các đại biểu khái quát chung tình hình triển khai hoạt động TBT thời gian qua; các cam kết TBT trong Hiệp định TPP, FTA mà Việt Nam đã ký kết với các nước; thực trạng ngành nông nghiệp địa phương; những rào cản mà nông sản xuất khẩu Lâm Đồng gặp phải cũng như các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp Lâm Đồng trong quá trình xuất khẩu hàng hóa.



Hội thảo đã nhận được sự quan tâm, chia sẻ, trao đổi thông tin của các chuyên gia và đại diện các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng. Đặc biệt các chuyên gia và doanh nghiệp đã thảo luận, chia sẻ những kinh nghiệm, khó khăn, thách thức mà doanh nghiệp sẽ gặp phải trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng đưa ra một số kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp thực thi cam kết tốt hơn trong quá trình hội nhập.

Trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp với các tổ chức có liên quan thông tin, tuyên truyền, phổ biến đến các doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng về hoạt động TBT, các rào cản kỹ thuật của các nước thành viên WTO đối với các sản phẩm thế mạnh của tỉnh và các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu hội nhập. ■



NỮ NGHỆ NHÂN CÓ TẤM LÒNG VÀNG

THANH DƯƠNG HỒNG

Cuối tháng 8/2016, chị Nguyễn Thị Hữu Hạnh (Giám đốc Công ty TNHH Mỹ nghệ và Mỹ thuật ứng dụng Hữu Hạnh) là một trong 84 doanh nhân trong cả nước được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”. Đây là thành quả của hơn 30 năm lao động sáng tạo đóng góp tích cực cho ngành thêu Đà Lạt của một nữ nghệ nhân có tấm lòng vàng...

Tình yêu đường kim, mũi chỉ

Tiếp tôi tại Cửa hàng “Tranh thêu Hữu Hạnh” (số 01 - đường Trương Công Định - Phường 1 - Đà Lạt), cũng là nơi làm việc, dường như niềm hạnh phúc cứ sóng sánh trên đôi mắt xinh đẹp của nữ nghệ nhân. Dù đã 57 tuổi, song, sự thông minh, nhanh nhẹn, nét duyên dáng của người phụ nữ Đà Lạt vẫn nguyên vẹn trong phong thái của chị.

Chị theo bố mẹ từ Quảng Ngãi vào Đà Lạt lập nghiệp từ năm 1945. Khi đang học lớp 11 trường Trung học Bùi Thị Xuân - Đà Lạt thì miền Nam giải phóng. Khi đó gia đình rất khó khăn, chị phải nghỉ học để phụ giúp gia đình. Như bao thiếu nữ Đà Lạt, chị cũng ham thích thêu thùa, may vá; với năng khiếu bẩm sinh, chị đã đến với nghề thêu như mối duyên tiền định. Từ lúc 12-15 tuổi, Hữu Hạnh đã cùng mẹ bôn ba kiếm sống bằng đường kim, mũi chỉ như về thành phố Hồ Chí Minh thêu áo dài cho các hiệu thêu trên đường Đồng Khởi; rồi về Đà Lạt thêu phù hiệu, logo, gối cưới, áo dài, chân dung... Chính những năm tháng vất vả mưu sinh ấy đã bồi dưỡng thẩm mỹ và rèn rũa



Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang gặp gỡ và tặng ảnh Bác Hồ cho nghệ nhân Hữu Hạnh năm 2014

tay nghề của Hữu Hạnh trở nên vững vàng. Chị đã đảm đương từ khâu sáng tác mẫu vẽ, chép tranh, phối màu đến công đoạn thêu hoàn chỉnh đều toát lên nét điêu luyện với nghệ thuật tinh xảo được người yêu tranh thích thú. Khi mới 17 tuổi (1976), Hữu Hạnh đã trở thành một người thợ có tay nghề cao và tranh thêu, sản phẩm của chị đã xuất khẩu sang Nhật Bản và một số nước Đông Âu...

Nghệ nhân có đôi bàn tay vàng

Nghề thêu mang tính cá nhân cao, song rất cần có hội, nhóm để hỗ trợ nhau phát triển. Năm 1985, Hữu Hạnh đứng ra thành lập Nhóm thêu tại nhà và bắt đầu dạy nghề cho học trò. Đến năm 1994, chị thành lập cơ sở Tranh thêu Hữu Hạnh. Là người sáng lập, nhưng chị chỉ làm Trưởng phòng kỹ thuật, trực tiếp tạo mẫu, sáng tạo các kiểu thêu mới để những người thợ hoàn chỉnh các tác phẩm tranh thêu. Năm 2010, chị



Mã đáo thành công - Tranh thêu Hữu Hạnh

thành lập thêm Công ty TNHH Mỹ nghệ và Mỹ thuật ứng dụng Hữu Hạnh và làm giám đốc cho đến nay.

Chị tâm sự “Nghề thêu cần lắm sự tỉ mỉ, tinh tế, gửi hồn vào đường kim mũi chỉ. Ngoài năng khiếu thẩm mỹ đòi hỏi người nghệ nhân phải có sự sáng tạo, cần mẫn và tâm huyết với nghề”.

Hữu Hạnh luôn tìm học và sáng tạo nhiều kiểu thêu mới. Chị cũng là người tiên phong đưa kỹ thuật thêu ứng dụng vào mỹ thuật - hội họa, tạo ra trường phái thêu tay hiện đại. Hiện ở Công ty của chị có các dòng tranh như: tranh thêu hai mặt, tranh thêu nổi, tranh 3D... Với mong muốn đưa cảnh đẹp của đất nước, quê hương, con người Việt Nam qua tranh thêu nghệ thuật đến với đông đảo bạn bè quốc tế, từ năm 1999 đến nay, Công ty TNHH Mỹ nghệ và Mỹ thuật ứng dụng Hữu Hạnh thường xuyên mở các đợt triển lãm và dạy nghề tại nhiều địa phương ở Pháp, Ấn Độ. Tranh thêu Hữu Hạnh có mặt sớm nhất ở Đà Lạt và được bạn bè thế giới ngưỡng mộ, đón nhận như: Nhật, Pháp, Đức, Mỹ, Úc, Anh, Na Uy, Hàn Quốc... Nghệ nhân Hữu Hạnh đã từng nhận Thư khen của Tổng thống Pháp Jacques Chirac qua bức tranh chị thêu chân dung Tổng thống do UBND tỉnh Lâm Đồng tặng ông vào năm 1999. Nghệ nhân Nguyễn Thị Hữu Hạnh đã đạt nhiều giải thưởng, danh hiệu cao quý: 02 lần đạt danh hiệu “Bàn tay vàng” (năm 1997 và 2001); đạt 6 Huy chương vàng liên tục từ năm 1996 đến năm 2001; Sao vàng đất Việt 2003; Giải thưởng “Dải băng xanh” 2010; “Bông hồng vàng” 2012 dành cho nữ doanh nhân thành đạt...

Nữ nghệ nhân có tấm lòng vàng

Được bạn bè mến mộ vì có đôi bàn tay vàng, tạo nên những tác phẩm tranh thêu đặc sắc, Hữu Hạnh còn được nhiều người cảm phục bởi có



Nghệ nhân Hữu Hạnh miệt mài bên mũi chỉ đường kim



Gặp gỡ với bạn bè quốc tế trong các Triển lãm tranh tại nước ngoài

tấm lòng nhân hậu, đặc biệt với những người kém may mắn! Chị luôn đồng cảm sâu sắc và tâm nguyện giúp người nghèo có nghề nghiệp ổn định để tự kiếm sống. Hơn 30 năm xây dựng thương hiệu Tranh thêu Hữu Hạnh là chừng ấy năm chị dành nhiều tình cảm, tâm huyết dạy nghề, truyền nghề cho hơn 1.000 lao động trên khắp mọi miền đất nước.

Với mong muốn truyền dạy để lưu giữ và phát triển nghề thêu và tranh thêu Đà Lạt, mỗi năm chị đã dạy nghề cho hàng trăm học viên hoàn toàn miễn phí. Đối với những học viên khuyết tật, trẻ lang thang, chị còn tự nguyện đưa họ về cơ sở của mình bố trí nơi ăn, ở và dạy nghề. Chị Hạnh cho biết, học nghề thêu của chị chủ yếu là nữ sinh ở các trường khiếm thính, khuyết tật. Nhiều thế hệ học trò của chị khắp nơi đã thành thợ giỏi và có người đã mở cơ sở thêu riêng.

Hiện tại Công ty TNHH Mỹ nghệ và Mỹ thuật ứng dụng Hữu Hạnh có hơn 50 người thợ làm việc và đều là học trò cũ của chị, trong đó có nhiều người khiếm thính (điếc, câm) được chị cứu mang từ ngày đầu nay đã là những người thợ giỏi, nghệ nhân đang cùng chị gắn bó với nghề.

Cả đời không biết mệt mỏi đưa Tranh thêu Hữu Hạnh và nghề thêu Đà Lạt đến với bạn bè trong nước và quốc tế; với tấm lòng yêu nghề, yêu người, truyền dạy nghề cho hàng ngàn người trong và ngoài nước, chị Nguyễn Thị Hữu Hạnh đã vinh dự nhận Giải thưởng “Top 100 Doanh nghiệp - Doanh nhân xuất sắc ASEAN” của Hiệp hội Doanh nhân Thái Lan - Việt Nam và là “Nghệ nhân ưu tú” của tỉnh Lâm Đồng. ■

MỘT SỐ THÔNG TIN KÊU GỌI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP - NÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Triển khai Kế hoạch thực hiện Dự án **“Mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp”**, UBND tỉnh Lâm Đồng được Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh công năng Khu công nghiệp Tân Phú thành Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú tại địa bàn xã Phú Hội, thị trấn Liên Nghĩa - huyện Đức Trọng với tổng diện tích là 316,8 ha (gồm 2 khu vực: Khu vực 1: 205,1 ha; Khu vực 2: 111,7 ha). Chúng tôi xin cung cấp một số thông tin mang tính định hướng liên quan đến Dự án để bạn đọc tham khảo.

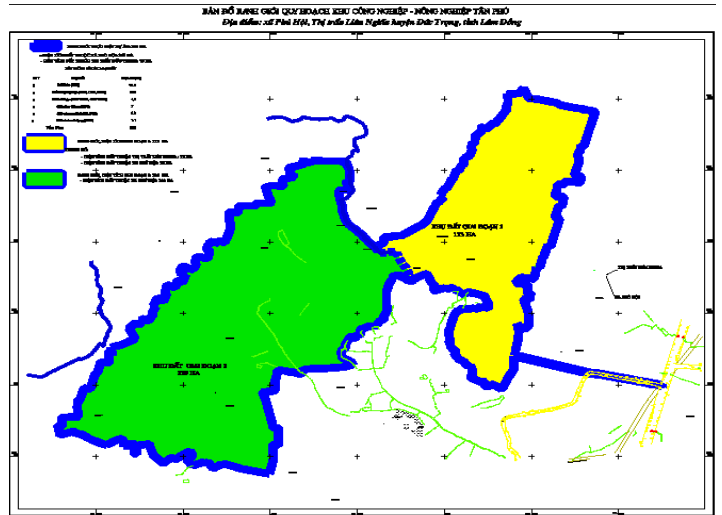
Mục tiêu

Dự án Khu công nghiệp - nông nghiệp Tân Phú được triển khai để thực hiện sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế được nhập khẩu vào thị trường Nhật Bản; là mô hình hợp tác quốc tế giữa Nhật Bản và Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

Mục tiêu cụ thể của dự án là thúc đẩy sản xuất nông nghiệp cao cho tỉnh Lâm Đồng; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao trong ngành nông nghiệp (cụ thể cho nông dân, doanh nghiệp của Lâm Đồng); tư vấn, chuyển giao công nghệ (bao gồm: quy trình kỹ thuật sản xuất, giống cây trồng, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật chế biến nông sản...), phổ biến nhân rộng những mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tới nông dân và các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; hỗ trợ nông dân, các doanh nghiệp trong tỉnh thành doanh nghiệp vệ tinh, thu mua sản phẩm; hình thành mạng lưới sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của Lâm Đồng; đem lại lợi ích cho nhà đầu tư sơ cấp và thứ cấp.

Quy hoạch

Dự án sẽ được quy hoạch thành các phân khu chức năng gồm Khu canh tác sản xuất nông nghiệp (diện tích từ 10-15 ha/lô); Khu vực sơ chế, chế biến nông sản và kho lạnh tập trung; Khu trưng bày sản phẩm, máy móc nông nghiệp,



Sơ đồ ranh giới dự án

trình diễn và đào tạo chuyển giao công nghệ; Khu văn phòng và khu nhà ở chuyên gia và công nhân; Khu phụ trợ: điện, hồ nước sản xuất, xử lý nước thải...

Cơ chế vận hành

Dự án được vận hành theo cơ chế: UBND tỉnh ban hành quyết định cho nhà đầu tư sơ cấp (nhà đầu tư hạ tầng) thuê đất trả tiền một lần; nhà đầu tư chịu trách nhiệm đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp – nông nghiệp; sau đó cho các nhà đầu tư khác thuê lại như quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai năm 2013.

Dự kiến thời gian triển khai Khu vực 1, với diện tích 205,1 ha trong hai năm 2017-2018. Tỉnh Lâm Đồng cam kết sẽ đầu tư hạ tầng đến chân hàng rào dự án; thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo tiến độ đã cam kết; giải quyết nhanh các thủ tục liên quan đến dự án; đảm bảo các quyền lợi của nhà đầu tư sơ cấp, thứ cấp theo quy định pháp luật Việt Nam và sẽ cho phép nhà đầu tư được hưởng đầy đủ các ưu đãi về tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp,...

Hy vọng rằng, Dự án khi hoàn thành, đi vào hoạt động sẽ trở thành mô hình điểu về sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao gắn với công nghiệp bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch không chỉ của cả nước mà còn ở tầm khu vực Đông Nam Á. ■

NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường

Trong những năm gần đây, công chúng ngày càng quan tâm đến các vấn đề môi trường, phát triển bền vững và cải tiến phương thức quản lý phát triển sao cho hài hòa với lợi ích môi trường. Cùng với sự quan tâm đó là sự ra đời của các quy định luật pháp mới (bao gồm các quy định của quốc gia và quốc tế) nhằm cố gắng làm thay đổi mối quan hệ giữa môi trường và phát triển. Đánh giá tác động môi trường là một nội dung quan trọng về một trong những nỗ lực đó.

Đánh giá tác động môi trường là gì?

Theo Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 định nghĩa: Đánh giá tác động môi trường (viết tắt là ĐTM) là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

Những quy định về đánh giá tác động môi trường

Hiện nay, các quy định về ĐTM được thể hiện tại Luật Bảo vệ môi trường (Luật BVMT) và các văn bản quy phạm khác có liên quan như Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ĐTM chiến lược, ĐTM và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi

trường chiến lược, ĐTM và kế hoạch bảo vệ môi trường,...

Một số quy định cần chú ý trong công tác ĐTM:

1. Thời gian ĐTM: theo Khoản 2, Điều 19, Luật BVMT năm 2014 thì “Việc ĐTM phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án”.

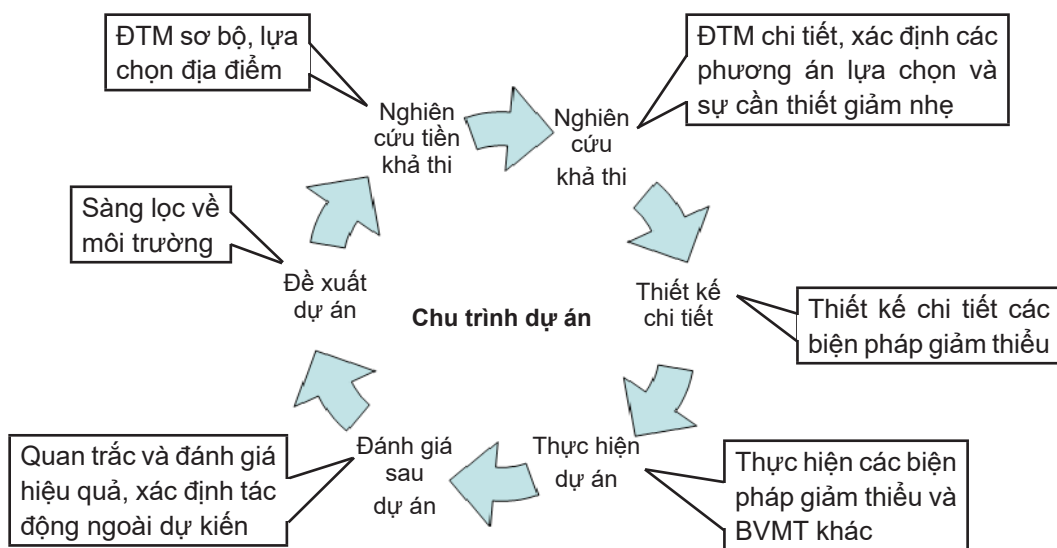
Theo hình 1, công tác ĐTM được thực hiện từ thời điểm đề xuất dự án cho đến trước khi dự án đi vào triển khai thực hiện. Sau khi dự án đi vào hoạt động và suốt quá trình hoạt động là giai đoạn triển khai thực hiện các nội dung về giải pháp nhằm giảm thiểu tác động môi trường.

2. Tổ chức thực hiện ĐTM: Theo Khoản 1, Điều 19, Luật BVMT năm 2014: “Chủ dự án thuộc đối tượng phải ĐTM tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện ĐTM và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện ĐTM”.

Điều kiện của tổ chức được phép thực hiện ĐTM được quy định tại Điều 13, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chi phí lập, thẩm định báo cáo ĐTM: thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.

4. Các quy định về hồ sơ; cách trình bày, nội dung, cấu trúc của báo cáo ĐTM; thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM; các quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi ĐTM được phê duyệt được hướng dẫn cụ thể tại Chương III (từ Điều 6



Mối quan hệ giữa chu trình dự án và việc đánh giá tác động môi trường

đến Điều 11 và phần Phụ lục 2 - từ 2.1 đến 2.14) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1. Quy trình thẩm định, phê duyệt ĐTM tỉnh Lâm Đồng được quy định tại thủ tục hành chính (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng*). Phí thẩm định ĐTM sẽ được thu tùy theo loại hình dự án và tổng vốn đầu tư của dự án. Nội dung chi tiết được đăng tải tại website: <http://stnmt.lamdong.gov.vn/>.

4.2. Trách nhiệm của chủ dự án sau khi ĐTM được phê duyệt:

a) Theo quy định tại Điều 20, 26, 27, Luật BVMT:

- Lập lại ĐTM: Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM trong các trường hợp sau:

+ Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM;

+ Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt;

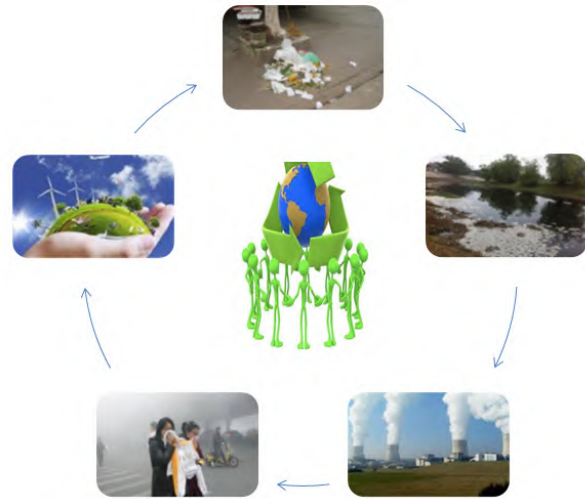
+ Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

- Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM, chủ đầu tư dự án phải giải trình bằng văn bản với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện những thay đổi đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM.

- Trách nhiệm của chủ đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành:

+ Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

+ Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.



b) Theo Điều 16, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT:

- Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể điều chỉnh nội dung dự án đầu tư để bảo đảm các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

- Phải lập kế hoạch quản lý môi trường trên cơ sở chương trình quản lý và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo ĐTM được phê duyệt; trường hợp có thay đổi chương trình quản lý và giám sát môi trường thì phải cập nhật kế hoạch quản lý môi trường và gửi đến ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện ĐTM để được niêm yết công khai trước khi khởi công xây dựng.

- Đối với việc đầu tư xây dựng các hồ: chủ đầu tư phải lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu dọn vệ sinh lòng hồ trước khi tích nước trong trường hợp dự án có nội dung đầu tư xây dựng hồ chứa thủy lợi hoặc hồ chứa thủy điện; thực hiện việc tích nước sau khi được cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM kiểm tra, chấp thuận bằng văn bản.

- Đối với các trường hợp quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, chủ đầu tư phải lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trên cơ sở báo cáo ĐTM đã được phê duyệt và các văn bản đề nghị điều chỉnh đã được chấp thuận (nếu có) gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

Hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án bao gồm:

+ Một văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thực hiện

theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT;

+ Một bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo ĐTM của dự án đã được phê duyệt;

+ Bày bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. Trường hợp dự án nằm trên địa bàn từ hai tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, chủ dự án phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm để phục vụ công tác kiểm tra.

Đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn, việc báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án được thực hiện theo từng giai đoạn của dự án với điều kiện đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành cho từng phân kỳ đầu tư hoặc cho từng hạng mục độc lập của dự án.

Dự án được phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 hoặc Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 nhưng không thuộc danh mục quy định tại cột 4 Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP; chủ dự án được miễn trừ trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

Các quy định về kiểm tra công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án được hướng dẫn cụ thể tại chương IV (từ điều 12 đến Điều 17 và Phụ lục 3 - từ 3.1 đến 3.6) Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT.

5. Đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã đi vào vận hành chính thức nhưng không

có quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định số 18/2015/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 01/4/2015) thì trong thời hạn tối đa là 36 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm sau đây:

- Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với các cơ sở có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng phải lập báo cáo ĐTM quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, gửi cơ quan có thẩm quyền, tổ chức thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

- Các quy định và hướng dẫn lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được hướng dẫn thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Lợi ích của đánh giá tác động môi trường

- ĐTM là công cụ cho việc xem xét thấu đáo các vấn đề môi trường ngang bằng với các yếu tố về kinh tế, xã hội trong quá trình xây dựng, thiết kế dự án nhằm đảm bảo phát triển bền vững;

- Là căn cứ để chủ dự án lựa chọn phương án đầu tư bao gồm vị trí, quy mô, công nghệ, nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án một cách phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế và khả thi nhất, đồng thời tiết kiệm kinh phí và thời gian cho chủ dự án;

- Chủ động phòng tránh và giảm thiểu một cách hiệu quả nhất các tác động xấu của dự án lên môi trường;

- Cung cấp thông tin chuẩn xác, tin cậy về những vấn đề môi trường của dự án cho cơ quan thẩm quyền trong việc xem xét ra quyết định đầu tư dự án một cách minh bạch và có tính bền vững cao;

- Tránh được những xung đột với cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện dự án. ■

HỢP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 063. 3545479 - 3833163.

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

KINH DOANH NÔNG SẢN CHƯA CHẾ BIẾN CÓ CHỊU THUẾ ?

Trường hợp nào hàng nông sản không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Tại Khoản 1, Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/01/2014) quy định đối tượng không chịu thuế GTGT là “Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác...”.

Tại Khoản 5, Điều 5 Thông tư trên cũng quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

“Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trên hóa đơn GTGT, ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% hướng dẫn tại Khoản 5, Điều 10 Thông tư này.

Hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác nộp thuế GTGT



theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT khi bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu...

Trường hợp sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã đã lập hóa đơn, kê khai, tính thuế GTGT thì người bán và người mua phải điều chỉnh hóa đơn để không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản này”.

Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT

Tại Khoản 11, Điều 14 Thông tư số 219/13/TT-BTC quy định về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào: “Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, tính nộp thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này (trừ Khoản 2, Khoản 3, Điều 5) được khấu trừ toàn bộ”.

Trường hợp nếu bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%. Thuế GTGT đầu vào phục vụ cho việc bán các mặt hàng nêu trên, doanh nghiệp được khấu trừ toàn bộ (nếu đáp ứng điều kiện khấu trừ theo quy định). ■

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA THÔNG TƯ SỐ 96/2015/TT-BTC CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

TRẦN CÔNG ĐĂNG

Cục Thuế Lâm Đồng

1. Về thời điểm xác định doanh thu để tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Sửa đổi quy định về thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

2. Về thu nhập tính thuế

Hướng dẫn rõ hơn về chuyển lỗ năm tiếp theo giữa các loại thu nhập, cụ thể: doanh nghiệp trong kỳ tính thuế có các hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư nếu bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả thu nhập khác), sau khi bù trừ vẫn còn lỗ thì tiếp tục được chuyển sang các năm tiếp theo trong thời hạn chuyển lỗ theo quy định.

3. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

- Đơn giản thủ tục hồ sơ đối với chi phí liên quan đến phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.

- Bổ sung chi khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp phục vụ cho người lao động và để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN bao gồm: thư viện, nhà trẻ, khu thể thao và các thiết bị, nội thất đủ điều kiện là tài sản cố định lắp đặt trong các công trình phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp; cơ sở vật chất, máy, thiết bị là tài sản cố định dùng để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Bổ quy định doanh nghiệp tự xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh làm cơ sở xác định chi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa phần vượt mức tiêu hao hợp lý không được tính vào chi phí được trừ.

- Bãi bỏ quy định về khống chế chi phí quảng cáo, tiếp thị,...



- Về chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân: bổ sung quy định không tính vào chi phí được trừ khi tính thuế đối với chi trả tiền thuê tài sản của cá nhân không có đầy đủ hồ sơ, chứng từ như sau:

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

+ Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.

- Về chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

+ Bổ quy định mức khống chế đối với chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chỉ khống chế đối với tiền mua bảo hiểm hưu trí.

+ Bổ sung quy định trường hợp doanh nghiệp Việt Nam ký hợp đồng với doanh nghiệp nước ngoài trong đó nêu rõ doanh nghiệp Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam thì tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam do doanh nghiệp Việt Nam chi trả được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

- Bỏ mức khống chế đối với trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cho người lao động bằng hiện vật, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định. Không tính vào chi phí được trừ đối với phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm. Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động để được tính vào chi phí được trừ thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

- Bỏ mức khống chế đối với khoản chi phụ cấp cho người lao động đi công tác, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ nếu có hóa đơn, chứng từ theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp có khoản phụ cấp cho người lao động đi công tác và thực hiện đúng theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khoản chi khoán.

Trường hợp doanh nghiệp cử người lao động đi công tác (bao gồm công tác trong nước và nước ngoài) nếu có phát sinh chi phí từ 20 triệu đồng trở lên, chi phí mua vé máy bay mà các khoản chi phí này được thanh toán bằng thẻ ngân hàng của cá nhân thì đủ điều kiện là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và tính vào chi phí được trừ nếu đáp ứng đủ các điều kiện.

- Bỏ quy định doanh nghiệp phải lập bảng kê thanh toán tiền điện, tiền nước theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

- Về chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp, bổ sung: trường hợp doanh nghiệp đã góp đủ vốn điều lệ, trong quá trình kinh doanh có khoản chi trả lãi tiền vay để đầu tư vào doanh nghiệp khác thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

- Chi tài trợ cho giáo dục bao gồm cả chi tài trợ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp nếu không đúng đối tượng quy định hoặc không có hồ sơ

xác định khoản tài trợ thì không được tính vào chi phí được trừ.

- Về chi tài trợ làm nhà cho người nghèo: đơn giản hồ sơ đối với trường hợp bên nhận tài trợ là cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ thì hồ sơ xác định khoản tài trợ không cần có văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương.

- Bổ sung quy định chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bổ sung một số khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế được tính vào chi phí được trừ như sau:

+ Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề nghiệp cho người lao động bao gồm: chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp.

+ Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động).

Đồng thời, bổ sung hướng dẫn: trường hợp doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng thì việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (:) số tháng thực tế hoạt động trong năm.

- Bổ sung hướng dẫn: số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Trường hợp nộp một lần, mức thực tế phát sinh của năm được xác định trên cơ sở tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phân bổ cho số năm khai thác còn lại. Trường hợp nộp hàng năm, mức thực tế phát sinh là số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm mà doanh nghiệp đã vào nộp ngân sách nhà nước.

(Bạn đọc có thể tham khảo chi tiết tại công văn số 2512/TCT-CS ngày 24/6/2015 của Tổng cục Thuế và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính). ■

(Còn tiếp)

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CHO VAY CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2677/QĐ-HĐQLQ ngày 01/12/2016
của Hội đồng quản lý Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng)

Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là Quỹ) được áp dụng cho các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được phê duyệt theo quy định.

Đối tượng và điều kiện được xem xét vay vốn

1. Đối tượng được vay vốn từ nguồn vốn của Quỹ quy định tại Khoản 3 Điều 5 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 18/02/2016.

2. Khách hàng vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;

b) Có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện dự án vay vốn theo quy định;

c) Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 6 Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có các khoản nợ đọng thuế, nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Có vốn tự có tham gia thực hiện dự án tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư của dự án.

3. Dự án vay vốn phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả xác nhận ĐTM theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường);

b) Công nghệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của khách hàng và không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc danh mục công nghệ cấm chuyển giao;

c) Sản phẩm của dự án được sản xuất và lưu hành theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí xác định lãi suất cho vay và nội dung được vay vốn

1. Tiêu chí xác định lãi suất cho vay thực hiện theo quy định của Khoản 1 Điều 14 Điều lệ tổ

chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể như sau:

a) Cho vay không lấy lãi gồm: các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

b) Cho vay với lãi suất bằng 70% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

2. Các nội dung thực hiện dự án được xem xét cho vay bao gồm: mua nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng; mua máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ; mua bí quyết công nghệ, chuyển giao công nghệ; thuê chuyên gia trong và ngoài nước.

Đảm bảo tiền vay

1. Khoản đề nghị vay vốn phải có bảo đảm tiền vay với giá trị tối thiểu bằng 100% giá trị khoản vay.

2. Các biện pháp bảo đảm tiền vay được chấp nhận là một trong hai trường hợp sau:

a) Bảo lãnh ngân hàng;

b) Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở, phương tiện vận tải, máy móc, dây chuyền thiết bị (bao gồm tài sản hiện hữu hoặc tài sản hình thành trong tương lai). Tài sản dùng làm bảo đảm tiền vay phải có nguồn gốc xuất xứ, được tổ chức định giá tài sản có uy tín (thuộc danh mục do Bộ Tài chính công bố) thẩm định, được phép giao dịch, có thanh khoản, không bị tranh chấp và được mua bảo hiểm mọi rủi ro trong suốt thời gian bảo đảm.

3. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay và hợp đồng bảo đảm đã ký.

Hạn mức cho vay

1. Mức cho vay một dự án từ nguồn vốn của Quỹ tối đa là 70% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 3 tỷ đồng. Trường hợp đặc biệt, dự án có mức vốn vay trên 3 tỷ đồng, do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Thời hạn cho vay cho một dự án tối đa là 36 (ba mươi sáu) tháng.

3. Tổng doanh số cho vay hàng năm từ nguồn vốn ngân sách tỉnh không quá 20% và tổng dư nợ cho vay không quá 50% vốn điều lệ Quý. Tổng doanh số cho vay hàng năm đối với các dự án quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều 5 Quy định này không lớn hơn 2/3 vốn cho vay theo kế hoạch được phê duyệt.

4. Đối với nguồn huy động ngoài ngân sách tỉnh, mức cho vay và dư nợ cho vay hàng năm căn cứ vào thỏa thuận giữa Hội đồng quản lý Quý và tổ chức cung cấp vốn.

Ủy thác cho vay

1. Nguyên tắc ủy thác:

a) Ủy ủy thác hoạt động cho vay cho Ngân hàng nhận ủy thác thông qua Hợp đồng ủy thác.

Nội dung của Hợp đồng ủy thác quy định các nội dung về nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm của Ủy và Ngân hàng nhận ủy thác và các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp và tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về nhận ủy thác, quy định cho vay từ nguồn vốn của Ủy tại Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ được ủy thác theo quy định tại Hợp đồng ủy thác và quy định của pháp luật hiện hành về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và quy trình của Ngân hàng nhận ủy thác.

2. Yêu cầu đối với bên nhận ủy thác:

a) Đáp ứng các điều kiện về thực hiện nhận ủy thác theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 30/2014/TT-NHNN ngày 06/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Cam kết cấp tín dụng tối thiểu 30% tổng vốn đầu tư của dự án đã được Ủy chấp thuận cho vay, trừ trường hợp Ngân hàng bảo lãnh cho khách hàng 100% giá trị khoản vay;

c) Trường hợp có nhiều ngân hàng đáp ứng được các yêu cầu nêu trên, Ủy sẽ lựa chọn ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất tại thời điểm xem xét lựa chọn Ngân hàng nhận ủy thác.

3. Nội dung, phạm vi ủy thác:

Ủy ủy thác cho Ngân hàng nhận ủy thác thực hiện các nghiệp vụ như sau: thẩm định tín dụng; soạn thảo và ký kết hợp đồng cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay; một số phần việc liên quan đến

bảo đảm tiền vay và xử lý bảo đảm tiền vay; giải ngân vốn cho vay; kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn vay; thu hồi các khoản vốn cho vay, thu lãi vay và nội dung khác phù hợp với quy định hiện hành về ủy thác và nhận ủy thác.

Nội dung, phạm vi ủy thác cụ thể cho từng khoản vay được quy định trong Hợp đồng ủy thác.

Hồ sơ đăng ký

1. Thời gian nhận hồ sơ: hàng năm, Ủy thông báo thời hạn nộp hồ sơ trên phương tiện thông tin đại chúng và hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan.

2. Hồ sơ vay vốn/đăng ký được lập thành 02 (hai) bộ theo quy định của Ủy, bao gồm:

a) Đơn đề nghị vay vốn theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thuyết minh dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống theo Mẫu 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Tài liệu pháp lý của khách hàng gồm: đăng ký kinh doanh và điều lệ doanh nghiệp; giấy tờ chứng minh năng lực pháp lý; giấy tờ chứng minh người đại diện theo pháp luật và văn bản phê duyệt phương án vay vốn;

d) Tài liệu pháp lý của dự án: văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan chức năng về dự án đầu tư (nếu có). Các giấy phép, bản quyền cho công nghệ ứng dụng, các hạng mục xây dựng, xuất nhập khẩu, sản xuất sản phẩm của dự án;

đ) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính, năng lực quản lý, chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật của khách hàng: báo cáo tài chính có kiểm toán 2 năm gần nhất; xác nhận của cơ quan thuế; nhân lực theo ngành nghề phục vụ cho việc triển khai dự án; các dự án tương tự đã thực hiện; mặt bằng, nhà xưởng, máy móc thiết bị;

e) Hồ sơ bảo đảm tiền vay cho khoản vay: các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng; định giá tài sản; bảo hiểm rủi ro;

g) Các tài liệu khác theo quy định của Ngân hàng nhận ủy thác.

3. Khách hàng có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đó.

4. Hồ sơ hợp lệ đáp ứng đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được Cơ quan điều hành Ủy đưa vào đánh giá, thẩm định theo quy định. ■

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG



MỘT SỐ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO CỦA CÁC DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

